

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Huyền

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Ngô Thị Thanh Huyền

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI
PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI
THÁI BÌNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Huyền
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Ngô Thị Thanh Huyền**

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Huyền

Mã SV: 121570

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

+ Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

+ Phản ánh được thực trạng tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

+ Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2011 của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Ngô Thị Thanh Huyền**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: Trường Trung cấp nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thu Huyền

Ths. Ngô Thị Thanh Huyền

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài tốt nghiệp.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Luôn đảm bảo tiến độ và nội dung nghiên cứu của đề tài theo thời gian giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Luận văn tốt nghiệp có bố cục trình bày khoa học, hợp lý.
- Đã khái quát hóa lý luận cơ bản về công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Nắm bắt được thực tế công tác kế toán nói chung của đơn vị thực tập.
- Đã phản ánh được quy trình cụ thể về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy cao.
- Đã đề xuất được một số biện pháp giúp đơn vị thực tập hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số :

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
PHẦN I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG.....	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ SẢN PHẨM XÂY LẮP.....	3
1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.....	3
1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	4
1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	5
1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	6
1.2.1 Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	6
1.2.1.1 <i>Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất</i>	6
1.2.1.2. <i>Cách phân loại chi phí sản xuất</i>	7
1.2.2. Giá thành và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	10
1.2.2.1. <i>Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp</i>	10
1.2.2.2. <i>Phân loại giá thành</i>	10
1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	12
1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP.....	13
1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	13
1.3.1.1 <i>Đối tượng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất</i>	13
1.3.1.2. <i>Phương pháp kế toán chi phí sản xuất</i>	14
1.3.2. Tổ chức chứng từ, tài khoản trong kế toán chi phí sản xuất xây lắp.....	14
1.3.2.1. <i>Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	14
1.3.2.2. <i>Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp</i>	17
1.3.2.3. <i>Hạch toán chi phí sử dụng máy móc thi công</i>	18
1.3.2.4. <i>Hạch toán chi phí sản xuất chung</i>	22
1.3.2.5. <i>Hạch toán tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp</i>	25

1.3.3. Công tác kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp	26
1.3.4. Tổ chức công tác kế toán tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	27
1.3.4.1. Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp	27
1.3.4.2. Phương pháp tính giá thành.....	29
1.3.4.3. Tổ chức kế toán giá thành sản phẩm xây lắp.....	32
1.3.5. Hạch toán hoạt động xây lắp theo phương thức khoán gọn.....	32
1.3.5.1. Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng	33
1.3.5.2. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng.....	33
1.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN ĐỂ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	35
PHẦN II: THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH	
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH	
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	37
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.....	38
2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.....	38
2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất	41
2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	41
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình	45
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.....	45
2.1.3.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.....	49
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH.....	
2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình	52
2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty.....	52
2.2.1.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	52

2.2.1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....	53
2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.....	53
2.2.2.1. Đối tượng tính giá thành tại công ty.....	53
2.2.2.2. Kỳ tính giá thành.....	53
2.2.2.3. Phương pháp tính giá thành tại công ty.....	53
2.2.3. Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.....	54
2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	55
2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	65
2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	101
2.2.3.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp.....	101
2.2.3.2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.....	102
2.2.3.3. Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.....	103
PHẦN III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI.....	108
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH.....	108
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH.....	108
3.1.1. Những ưu điểm.....	108
3.1.2. Những hạn chế.....	112
3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH.....	114
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	114
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	114
3.2.3. Căn cứ hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	115
3.2.4. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	116
3.2.5. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.....	116

KẾT LUẬN.....	121
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	122

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, nền kinh tế và hệ thống cơ sở hạ tầng của đất nước có sự phát triển đáng kể. Chung tay cùng với Nhà nước trong việc tìm ra giải pháp cải thiện nền kinh tế, ngành xây dựng cơ bản – một ngành mũi nhọn thu hút khối lượng vốn đầu tư của cả nước cũng nỗ lực tìm hướng đi tốt hơn trong thị trường Việt Nam và thế giới. Thành công của ngành xây dựng trong những năm qua đã tạo tiền đề không nhỏ thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với đặc trưng của ngành xây dựng cơ bản là vốn đầu tư lớn, thời gian thi công dài, qua nhiều khâu nên vấn đề đặt ra là làm sao phải quản lý vốn tốt, có hiệu quả, đồng thời khắc phục được tình trạng thất thoát, lãng phí trong quá trình sản xuất, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Để giải quyết vấn đề nói trên, công cụ hữu hiệu và đặc lực mà mỗi doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng cần có là các thông tin phục vụ cho quản lý, đặc biệt là các thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất được tập hợp một cách chính xác kết hợp với việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm sẽ làm lành mạnh hóa các mối quan hệ kinh tế tài chính trong doanh nghiệp, góp phần tích cực vào việc sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư.

Đối với Nhà nước, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp là cơ sở để Nhà nước kiểm soát vốn đầu tư và thu thuế. Do đó trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế, việc hạ thấp giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp sẽ đem lại hiệu quả là sự tiết kiệm cho xã hội, tăng tích lũy cho nền kinh tế. Vì vậy, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm không phải chỉ là vấn đề của các doanh nghiệp mà còn là của toàn xã hội.

Xuất phát từ những vấn đề trên, qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi Thái Bình, em đã chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm***”.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung của khóa luận bao gồm 3 phần:

Phần I: Lý luận chung về công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây dựng.

Phần II: Thực trạng về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.

Phần III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.

Mặc dù bản thân đã nỗ lực cố gắng để hoàn thành bài khóa luận một cách tốt nhất song do khả năng có hạn và thời gian nghiên cứu hạn hẹp nên bài viết không tránh khỏi những sai sót. Em mong nhận được những nhận xét, đánh giá và góp ý của ban lãnh đạo, phòng Kế toán– tài vụ, các phòng ban liên quan của Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình cùng các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện và nâng cao kiến thức của bản thân phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

Sau đây em xin trình bày nội dung bài khóa luận.

PHẦN I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ SẢN PHẨM XÂY LẮP

1.1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm xây lắp ảnh hưởng đến công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất quan trọng không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân. Xây dựng cơ bản là quá trình xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo, hiện đại hóa, khôi phục các công trình nhà máy, xí nghiệp, đường xá, cầu công, nhà cửa... nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống xã hội. Nó có vai trò tạo ra cơ sở vật chất chủ yếu, tăng tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng của nền kinh tế.

Đầu tư xây dựng cơ bản là một khâu không thể thiếu trong bất kỳ hoạt động kinh doanh hay loại hình doanh nghiệp nào. Trong giá trị sản phẩm của các ngành, chi phí xây dựng chiếm một tỷ trọng nhất định nên hoạt động của ngành xây dựng cơ bản có ảnh hưởng đến hạ giá thành và tăng thu nhập quốc dân. Hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với một số ngành sản xuất kinh doanh khác và gắn liền với việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Do vậy sự phát triển của hoạt động xây dựng cơ bản sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của một số ngành sản xuất khác, đồng thời cũng thúc đẩy sự đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài và phân tán. Mặt khác, mỗi sản phẩm xây lắp có kết cấu, hình thức, phương thức kỹ thuật thi công khác nhau nên giá trị công trình khác nhau. Vì vậy đòi hỏi việc quản lý và hạch toán giá thành sản phẩm xây lắp nhất thiết phải lập dự toán, theo dõi quá trình sản xuất thi công phải chặt chẽ, đảm bảo sử dụng vốn tiết kiệm, bảo đảm chất lượng thi công công trình, quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp phải luôn so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí dự toán.

Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp của từng công trình. Quá trình thi công thường được chia thành nhiều giai đoạn, nhiều công việc khác nhau và chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết tự nhiên nên cần phải có sự quản lý tổ chức, giám sát chặt chẽ sao cho công trình hoàn thành đúng tiến độ quy định mà vẫn đảm bảo chất lượng yêu cầu.

Việc sai lầm trong xây dựng cơ bản gây lãng phí, có khi để lại hậu quả rất nghiêm trọng, lâu dài và khó khắc phục nên đòi hỏi chất lượng công trình phải được đảm bảo và có tính thẩm mỹ cao. Do đó trong quá trình thi công cần phải tính toán chính xác, thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

1.1.2. Yêu cầu đối với công tác quản lý và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp

Do ngành xây dựng và sản phẩm xây lắp có những đặc thù riêng nên công tác quản lý rất khó khăn, trong quá trình thi công rất dễ xảy ra những mất mát hư hỏng do điều kiện khách quan hoặc chủ quan. Do đó việc quản lý, tổ chức, giám sát phải hết sức chặt chẽ.

Chi phí phát sinh trong hoạt động xây dựng cơ bản thường rất lớn và đa dạng. Vì vậy trong công tác kế toán chi phí cần phải theo dõi chặt chẽ sự phát sinh của các loại chi phí và việc phản ánh các chi phí này phải đúng và đủ vào các tài khoản thích hợp.

Sản phẩm xây lắp trước khi thi công phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công...). Trong quá trình thi công phải thường xuyên đối chiếu các chi phí phát sinh với dự toán để có những điều chỉnh kịp thời khi phát hiện ra sai lệch. Sản phẩm xây lắp hoàn thành phải đảm bảo chất lượng, thời gian đưa vào sử dụng đúng tiến độ.

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động xây dựng cơ bản chủ yếu diễn ra các hoạt động đấu thầu và giao thầu. Vì vậy để có thể trúng thầu các doanh nghiệp phải xây dựng giá thầu hợp lý cho công trình trên cơ sở những định mức, đơn giá xây dựng cơ bản mà Nhà nước đã ban hành trên cơ sở giá thị trường và khả năng của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo có lãi. Để thực hiện được điều này, doanh nghiệp phải

tăng cường công tác quản lý, đặc biệt là quản lý chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

1.1.3. Vai trò, nhiệm vụ của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Chính vì vậy đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn vận động, tìm hiểu biện pháp nâng cao chất lượng và đồng thời hạ giá thành sản phẩm để có thể cạnh tranh được với sản phẩm của các doanh nghiệp khác trên thị trường. Đây chính là yêu cầu cần thiết giúp doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thành công và thực sự có lãi. Để làm được điều này doanh nghiệp phải sử dụng nhiều công cụ khác nhau, trong đó có công tác kế toán mà đặc biệt là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Việc xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp là hết sức cần thiết.

Nhiệm vụ đặt ra đối với kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm là:

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành hợp lý;
- Xác định phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp;
- Phản ánh kịp thời, chính xác và đầy đủ toàn bộ chi phí thực tế phát sinh cho từng đối tượng sản phẩm,
- Đối chiếu và kiểm tra chặt chẽ, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại mất mát hư hỏng... trong thi công để có biện pháp giải quyết kịp thời;
- Tổ chức thực hiện và phân bổ chi phí theo đúng đối tượng tập hợp chi phí, xác định đúng giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ;
- Lựa chọn phương pháp tính giá thành hợp lý, tính toán các khoản mục chi phí theo đúng quy định và kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp;
- Đề ra các phương pháp và biện pháp hữu hiệu nhằm tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.2.1 Chi phí sản xuất và cách phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1.1 Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Sự phát triển của xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất. Bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Nói cách khác, quá trình sản xuất là quá trình kết hợp của ba yếu tố cơ bản: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động tạo ra những sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của con người. Việc tiêu hao một lượng nhất định các yếu tố trên để sản xuất ra sản phẩm, dịch vụ đó được gọi là chi phí.

Trong kinh doanh xây lắp, chi phí sản xuất sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

Đối với kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh luôn gắn liền với một kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và phải là chi phí thực. Vì vậy cần có sự phân biệt giữa chi phí và chi tiêu. Chi phí của kỳ hạch toán là những hao phí về tài sản và lao động có liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ chứ không phải mọi khoản chi ra trong kỳ hạch toán. Trong khi đó, chi tiêu là sự giảm đi đơn thuần các loại vật tư, tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp, bất kể nó được dùng vào mục đích gì. Nhưng chi tiêu lại là cơ sở để phát sinh chi phí, không có chi tiêu thì không có chi phí. Trên thực tế có những chi phí tính vào kỳ hiện tại nhưng chưa được chi tiêu (như các khoản phải trả) hay những khoản chi tiêu của kỳ hiện tại nhưng chưa được tính vào chi phí (như mua tài sản cố định rồi khấu hao dần đưa vào chi phí). Như vậy, chi phí và chi tiêu không những khác nhau về mặt lượng mà còn khác nhau về thời gian. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do đặc điểm, tính chất vận động và phương thức chuyển dịch giá trị của từng loại tài sản vào quá trình sản xuất và yêu cầu kỹ thuật hạch toán của chúng.

Việc làm rõ khái niệm, bản chất của chi phí sản xuất trong doanh nghiệp giúp kế toán tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm từ đó phát huy được chỉ tiêu giá thành trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

1.2.1.2. Cách phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp bao gồm nhiều loại có nội dung, tính chất và công dụng kinh tế khác nhau, vì vậy có thể tiến hành phân loại theo các tiêu thức khác nhau. Việc hạch toán chi phí theo từng loại tiêu thức sẽ nâng cao tính chi tiết của thông tin, là cơ sở cho kế hoạch giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường hạch toán kinh tế trong các đơn vị xây dựng. Về mặt hạch toán, chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được phân loại theo các tiêu thức sau:

a/ Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế (theo yếu tố của chi phí)

Theo cách phân loại này, các chi phí có cùng nội dung kinh tế được sắp xếp chung vào cùng một yếu tố, không xét đến nơi phát sinh chi phí hoặc mục đích sử dụng của chi phí trong quá trình sản xuất. Đối với doanh nghiệp xây lắp bao gồm các yếu tố chi phí sau:

- *Chi phí nguyên vật liệu:* bao gồm toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (không tính giá trị dùng không hết và phế liệu thu hồi)

- *Tiền lương phải trả cho nhân viên và các khoản phụ cấp mang tính chất lương, các khoản trích theo lương:* bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích theo tỷ lệ quy định.

- *Chi phí khấu hao TSCĐ:* là khoản chi phí tính cho hao mòn của các loại tài sản cố định như nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thi công, vận chuyển và các tài sản cố định dùng trong quản lý...

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ do các đơn vị khác bên ngoài cung cấp.

- *Chi phí bằng tiền khác:* là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài các yếu tố nói trên.

Cách phân loại này cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất dùng để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, làm căn cứ lập bảng thuyết minh báo cáo tài chính (phần chi phí sản xuất kinh doanh

theo yếu tố); cung cấp thông tin cho quản trị doanh nghiệp phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí, lập dự toán cho kỳ sau.

b/ Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh)

Theo cách phân loại này những chi phí có cùng công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh chi phí sẽ được xếp vào một loại gọi là các khoản mục chi phí bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Là tất cả những chi phí về nguyên vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp, giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp (không kể vật liệu dùng cho máy móc thi công và hoạt động sản xuất chung của doanh nghiệp).

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: bao gồm tiền lương, tiền công, và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân phục vụ xây lắp, kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

- *Chi phí sử dụng máy thi công* : Là chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công trực tiếp cho việc hoàn thành sản phẩm xây lắp bao gồm chi phí khấu hao máy thi công, tiền thuê máy thi công, tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công, chi phí nhiên liệu cho máy chạy và các chi phí khác phục vụ máy thi công.

- *Chi phí sản xuất chung*: Là các khoản chi phí được sử dụng ở các phân xưởng bộ phận sản xuất kinh doanh như: tiền lương và phụ cấp của nhân viên phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho việc quản lý sản xuất, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Cách phân loại chi phí này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau. Qua đó sẽ giúp những nhà quản lý có biện pháp sử dụng chi phí một cách hợp lý, tiết kiệm, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

c/Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với quá trình sản xuất kinh doanh

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp*: là những chi phí liên quan trực tiếp đến việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định. Những chi phí này kế toán có thể căn cứ vào số liệu từ chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- *Chi phí gián tiếp*: là những chi phí liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc khác nhau. Kết cấu của chi phí gián tiếp cũng tương tự chi phí trực tiếp nhưng những chi phí này phát sinh ở bộ phận quản lý đội, phân xưởng sản xuất của đơn vị xây lắp, vì vậy kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng có liên quan theo một tiêu thức thích hợp.

d/ Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí và khối lượng sản phẩm hoàn thành

Để thuận tiện cho việc lập kế hoạch và kiểm tra chi phí, đồng thời làm căn cứ để ra các quyết định kinh doanh, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được phân theo quan hệ với khối lượng công việc hoàn thành. Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành chi phí cố định và chi phí biến đổi và chi phí hỗn hợp.

- *Chi phí cố định (định phí)* : là các chi phí không thay đổi (Hoặc thay đổi không đáng kể) theo sự thay đổi của quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như chi phí khấu hao TSCĐ (theo thời gian) chi phí tiền lương trả cho cán bộ, nhân viên quản lý...

- *Chi phí biến đổi (biến phí)* : là các chi phí thay đổi trực tiếp theo sự thay đổi của quy mô sản xuất như chi phí nguyên vật liệu, chi phí tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất ...

- *Chi phí hỗn hợp*: là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố biến phí và định phí.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp thấy được xu hướng biến đổi của từng loại chi phí theo quy mô kinh doanh , từ đó doanh nghiệp có thể xác định được sản lượng hoà vốn cũng như quy mô kinh doanh hợp lý để đạt được hiệu quả cao nhất. Ngoài ra xác định đúng đắn các loại chi phí trên trong doanh nghiệp sẽ giúp cho nhà quản lý sử dụng chi phí hiệu quả hơn.

Mỗi cách phân loại chi phí đều có những tác dụng nhất định đối với công tác quản lý và hạch toán chi phí ở doanh nghiệp, đồng thời luôn hỗ trợ, bổ sung cho nhau giúp cho việc quản lý chung của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

1.2.2. Giá thành và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.2.1. Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp

Để xây dựng một công trình, hạng mục công trình hay hoàn thành một lao vụ thì doanh nghiệp phải đầu tư vào quá trình sản xuất thi công một lượng chi phí nhất định. Những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra đó sẽ tham gia cấu thành nên giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Như vậy, *giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi phí sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến khối lượng xây lắp đã hoàn thành.*

Giá thành sản phẩm xây lắp luôn chứa đựng hai mặt khác nhau vốn có là chi phí sản xuất và lượng giá trị sử dụng thu được cấu thành bên trong khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Như vậy, bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của những yếu tố chi phí vào sản phẩm xây lắp hoàn thành. Vì thế, giá thành có hai chức năng chủ yếu là bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như hệ thống các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt được mục đích sản xuất ra khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí thấp nhất. Giá thành là căn cứ để xác định hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm những chi phí tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất, tiêu thụ phải được bồi hoàn để tái sản xuất ở doanh nghiệp mà không bao gồm những chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Mọi cách tính toán chủ quan, không phản ánh đúng các yếu tố giá trị trong giá thành đều có thể dẫn đến việc phá vỡ các quan hệ hàng hóa- tiền tệ, không xác định được hiệu quả kinh doanh và không thực hiện tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

1.2.2.2. Phân loại giá thành

Để giúp cho việc quản lý tốt giá thành sản phẩm xây lắp, kế toán cần phân biệt các loại giá thành khác nhau theo các tiêu thức khác nhau.

a/ Căn cứ vào thời điểm tính giá thành và nguồn cơ sở dữ liệu tính giá thành

Giá thành bao gồm 3 loại:

- *Giá thành dự toán* : Là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng xây lắp. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức theo thiết kế được duyệt và khung giá quy định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng cho từng vùng lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành. Giá thành dự toán là hạn mức chi phí cao nhất mà doanh nghiệp có thể chi ra để đảm bảo có lãi.

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lợi nhuận định mức}$$

Trong đó:

Giá trị dự toán bằng khối lượng công tác xây lắp theo định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước quy định nhân với đơn giá xây lắp do Nhà nước ban hành theo từng khu vực thi công và các chi phí khác theo định mức.

Lợi nhuận định mức là chỉ tiêu Nhà nước quy định ngành xây dựng phải tạo ra để tích lũy cho xã hội.

- *Giá thành kế hoạch*: là giá thành được xây dựng trên cơ sở những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp về các định mức, đơn giá, biện pháp tổ chức thi công. Giá thành kế hoạch thường nhỏ hơn giá thành dự toán xây lắp ở mức hạ giá thành dự toán.

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự toán} - \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ thấp giá thành của doanh nghiệp.

- *Giá thành thực tế*: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế - tổ chức - kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công đòi hỏi phải so sánh các loại giá thành trên với nhau nhưng phải đảm bảo tính thống nhất về thời điểm

và cách tính trong quá trình so sánh và so sánh này phải được thực hiện trên cùng một đối tượng xây lắp. Giữa ba loại giá thành này thường có mối quan hệ về mặt lượng như sau:

$$\text{Giá thành dự toán} \geq \text{Giá thành kế hoạch} \geq \text{Giá thành thực tế}$$

So sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho thấy mức độ hoàn thành định mức đã đề ra và mức độ hạ giá thành của doanh nghiệp đối với từng khối lượng xây lắp cụ thể.

So sánh giá thành thực tế với giá thành dự toán phản ánh chỉ tiêu tích lũy của doanh nghiệp, từ đó có thể dự định khả năng của doanh nghiệp trong năm tới.

b/ Phân loại giá thành theo phạm vi tính giá thành

Theo phạm vi phát sinh của chi phí giá thành được chia thành các loại sau

- Giá thành khối lượng xây lắp hoàn chỉnh: Là giá thành của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, đúng thiết kế và hợp đồng đã ký kết bàn giao, được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán. Chỉ tiêu này cho phép ta đánh giá được một cách chính xác và toàn diện hiệu quả sản xuất thi công trọn vẹn một công trình.

- Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước: Là giá thành của khối lượng xây lắp đảm bảo thỏa mãn các điều kiện: Phải nằm trong thiết kế, đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý, đảm bảo chất lượng kỹ thuật được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán. Chỉ tiêu này giúp nhà quản lý đánh giá kịp thời chi phí phát sinh và điều chỉnh thích hợp cho giai đoạn sau.

1.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp có mối quan hệ biện chứng với nhau trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.

Giá thành		Chi phí sản		Chi phí sản		Chi phí sản
sản phẩm	=	xuất dở dang	+	xuất phát sinh	-	xuất dở dang
xây lắp		đầu kỳ		trong kỳ		cuối kỳ

Về bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình thi công xây lắp. Nếu đối tượng xây lắp được khởi công và hoàn thành trong một kỳ thì giá thành sản phẩm xây lắp chính bằng tổng chi phí thực tế phát

sinh trong kỳ. Tuy nhiên chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp cũng có những đặc điểm riêng.

- Chi phí thể hiện hao phí sản xuất còn giá thành thể hiện kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất thể hiện hao phí trong một thời kỳ nhất định còn giá thành sản phẩm phản ánh những hao phí liên quan đến công việc hoàn thành được bàn giao và nghiệm thu.

- Giá thành sản phẩm không bao gồm chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, các khoản chi phí đã chi ra chờ phân bổ kỳ sau, chi phí không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên lại gồm chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước trong kỳ và chi phí sản xuất trong kỳ trước được phân bổ cho kỳ sau.

Mặc dù có sự khác nhau nhưng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm lại có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tài liệu để hạch toán chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm. Việc tổng hợp chi phí sản xuất sẽ quyết định đến tính chính xác của việc tính giá thành. Ngược lại, căn cứ vào việc tính giá thành sẽ xác định được tình hình chi phí sản xuất trong kỳ là tiết kiệm hay lãng phí.

1.3. TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

1.3.1. Tổ chức kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.1.1 Đối tượng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng của kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà các chi phí phát sinh được tổ chức tập hợp và phân bổ theo đó. Giới hạn tập hợp chi phí sản xuất có thể là nơi gây ra chi phí hoặc là nơi chịu chi phí. Để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí cần căn cứ vào các yếu tố sau:

- Địa điểm phát sinh chi phí và công dụng của chi phí trong sản xuất;
- Tính chất sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm;
- Loại hình sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt;
- Đặc điểm sản xuất: có hay không có bộ phận công trường, tổ đội thi công;
- Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp

Trong sản xuất xây lắp, với tính chất phức tạp của quy trình công nghệ, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản phẩm xây lắp có giá trị kinh tế lớn, thường được phân chia thành nhiều khu vực, bộ phận thi công. Mỗi công trình, hạng mục công trình

đều có dự toán thiết kế riêng, cấu tạo vật chất khác nhau nên tùy thuộc vào công việc cụ thể, trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp xây lắp mà đối tượng hạch toán chi phí có thể là từng công trình, hạng mục công trình hay từng đơn đặt hàng.

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên, cần thiết của công tác hạch toán chi phí sản xuất. Chỉ có xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất mới có thể tổ chức tốt công tác hạch toán chi phí. Trên cơ sở đối tượng hạch toán chi phí, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích ứng.

1.3.1.2. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được kế toán sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Trong doanh nghiệp xây lắp có các phương pháp hạch toán chi phí sản xuất sau:

- *Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình:* phương pháp này được áp dụng khi đối tượng hạch toán chi phí là công trình, hạng mục công trình. Hàng tháng, chi phí sản xuất phát sinh cho công trình nào được tập hợp và phân bổ cho công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- *Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng:* các chi phí phát sinh theo đơn đặt hàng nào được tập hợp và phân bổ theo đơn đặt hàng đó. Tổng chi phí phát sinh theo đơn kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành là giá thực tế của đơn đặt hàng đó.

- *Phương pháp hạch toán chi phí theo khối lượng công việc hoàn thành:* toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp cho đối tượng chịu chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công việc xây lắp đó.

1.3.2. Tổ chức chứng từ, tài khoản trong kế toán chi phí sản xuất xây lắp

1.3.2.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp bao gồm giá thực tế toàn bộ vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu rời luân chuyển tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm xây lắp. Nó không bao gồm giá trị vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và vật liệu sử dụng cho quản lý đội công trình. Giá trị vật liệu bao gồm cả chi phí thu mua, vận chuyển tới chân công trình và hao hụt trong định mức của quá trình vận chuyển và bảo quản.

Việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào đối tượng có thể tiến hành theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

Phương pháp trực tiếp được áp dụng cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất (từng phân xưởng, từng bộ phận, công trình, hạng mục công trình). Vật liệu sử dụng cho công trình nào thì phải tính trực tiếp cho công trình đó trên cơ sở chứng từ gốc theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá xuất kho thực tế.

Phương pháp phân bổ gián tiếp được áp dụng trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Để phân bổ cho nhiều đối tượng phải lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp. Các tiêu thức lựa chọn để phân bổ có thể là chi phí định mức, chi phí kế hoạch, khối lượng thực hiện...

$$\frac{\text{CPNVLTT phân bổ cho đối tượng } i}{\text{Tổng CPNVLTT}} = \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}}{\text{Tiêu thức phân bổ của đối tượng } i}$$

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

* *Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng:*

Để theo dõi các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí nguyên vật liệu liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc, khối lượng xây lắp có dự toán riêng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong định mức được kết chuyển sang tài khoản 154 để tính giá thành, những chi phí ngoài định mức được hạch toán vào tài khoản 632.

Tài khoản 621 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí. Ngoài ra để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn có các tài khoản liên quan như TK 152, TK 153, Tk 111, Tk 112, TK 331...

Chứng từ kế toán sử dụng để tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ...

* *Phương pháp hạch toán*

+ Toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã tập hợp được ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 621 (chi tiết theo từng đối tượng)

Có TK 152, 153 (chi tiết liên quan)

Có TK 111, 112, 331...

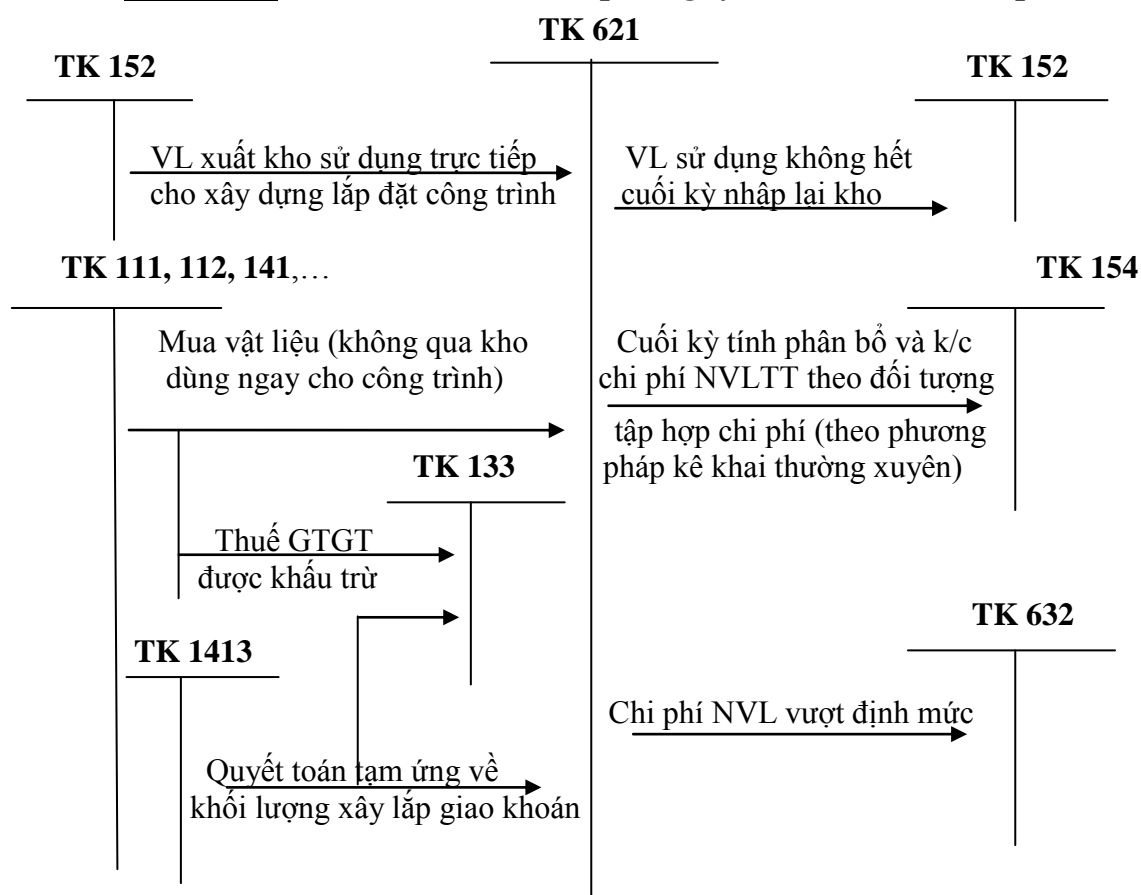
+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào các đối tượng liên quan :

Nợ TK 154 (chi tiết liên quan)

Có TK 621 (chi tiết liên quan)

Việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong doanh nghiệp được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.3.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp. Chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp bao gồm các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp các công trình, công nhân phục vụ thi công (kể cả công nhân vận chuyển bốc dỡ vật tư trong phạm vi mặt bằng xây lắp và công nhân chuẩn bị thi công và thu dọn hiện trường).

Trong khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, tiền lương công nhân vận chuyển ngoài cự ly thi công, không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính theo tiền lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp và tiền ăn ca của công nhân xây lắp.

** Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng*

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp”. TK 622 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Chứng từ kế toán sử dụng để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp là bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương...

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí liên quan. Trong trường hợp chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng thì được phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí có liên quan theo các tiêu chuẩn như: chi phí tiền công định mức (hoặc kế hoạch), giờ công định mức hoặc giờ công thực tế theo từng công việc cụ thể.

** Phương pháp hạch toán:*

+ Toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp vào bên Nợ TK 622. Căn cứ vào bảng tính lương, tính BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN kế toán ghi:

Nợ TK 622

Có TK 334, 338

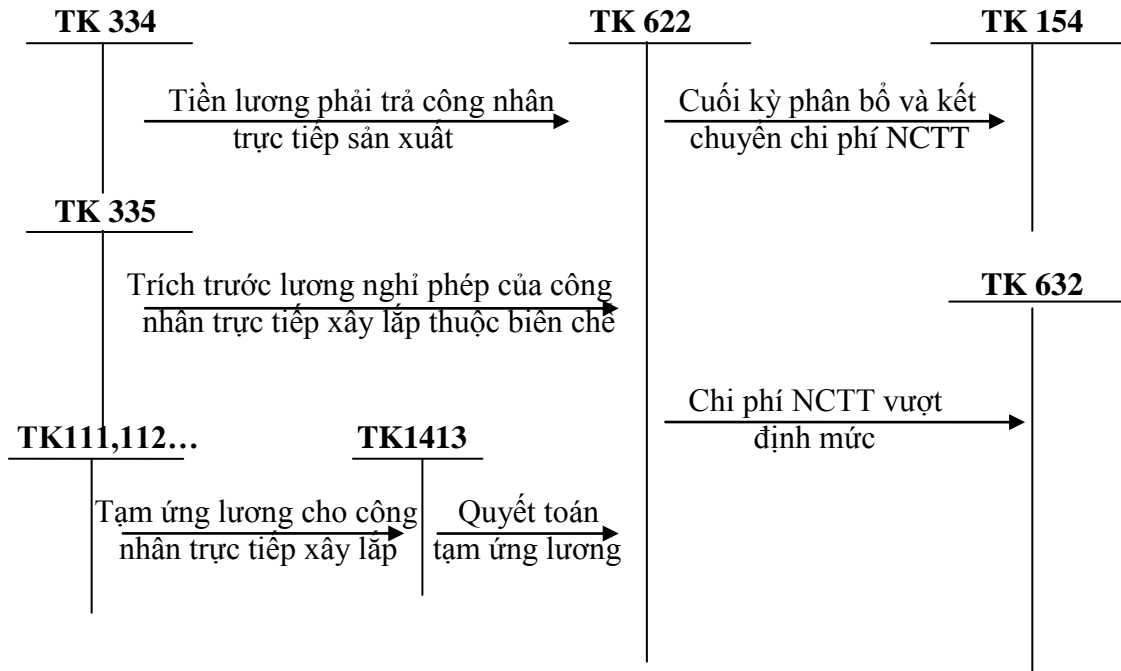
Có TK 335 (tiền lương trích trước cho công nhân sản xuất)

+ Cuối kỳ tiến hành kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành:

Nợ TK 154 (chi tiết liên quan)

Có TK 622 (chi tiết liên quan)

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



1.3.2.3. Hạch toán chi phí sử dụng máy móc thi công

Máy móc thi công trong doanh nghiệp xây lắp là các loại máy phục vụ trực tiếp cho sản xuất xây lắp như: máy trộn bê tông, trộn vữa, cần cẩu, máy xúc... Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về sử dụng máy để hoàn thành khối lượng xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao cơ bản, chi phí sửa chữa, động lực, nhiên liệu để chạy máy, tiền lương thợ điều khiển máy và các chi phí khác của đội máy thi công.

Do đặc điểm của hoạt động xây lắp và của sản phẩm xây lắp, một máy thi công có thể sử dụng cho nhiều công trình trong kỳ hạch toán. Vì vậy, cần phân bổ chi phí máy thi công cho từng đối tượng công trình. Có những tiêu thức để phân bổ như: theo khối lượng công việc hoàn thành của ca máy, theo ca máy làm việc, theo dự toán chi phí sử dụng máy thi công. Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sử dụng} \\ \text{máy thi công} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí máy thi} \\ \text{công cần phân bổ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân bổ} \\ \text{của tất cả các đối tượng} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Tổng tiêu thức phân} \\ \text{bổ của từng đối} \\ \text{tượng} \end{array}$$

* *Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng*

Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN của công nhân sử dụng máy thi công.

Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ và có kết cấu như sau:

- Bên nợ: Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công thực tế phát sinh
- Bên có: kết chuyển (hoặc phân bổ) chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình.

Tài khoản 623 có 6 tài khoản cấp hai và được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình:

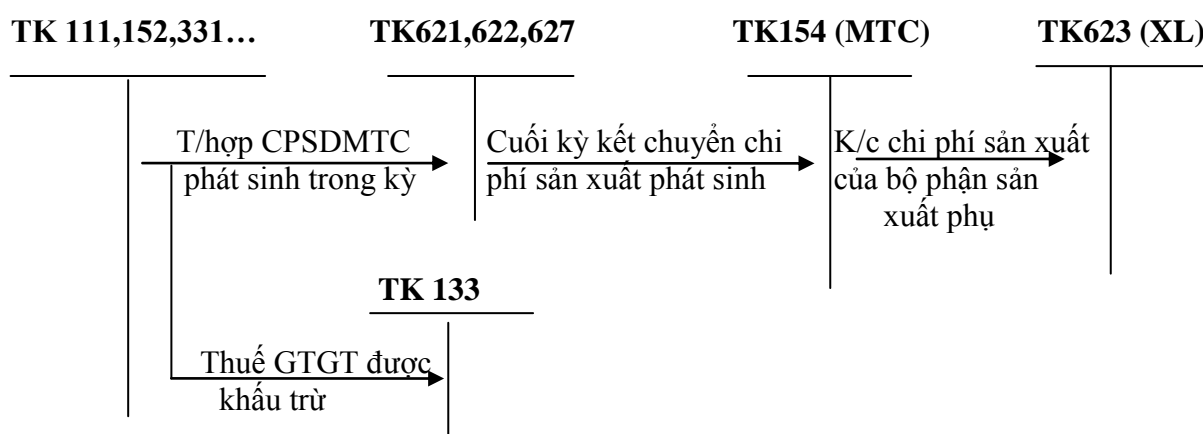
- TK 6231 “Chi phí nhân công”
- TK 6232 “Chi phí vật liệu”
- TK 6233 “Chi phí dụng cụ”
- TK 6234 “Chi phí khấu hao máy thi công”
- TK 6237 “chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6238 “Chi phí bằng tiền khác”

* *Phương pháp hạch toán*

Việc hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, có thể tổ chức đội máy thi công chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy cho các đối tượng xây lắp hoặc thuê ngoài thi công.

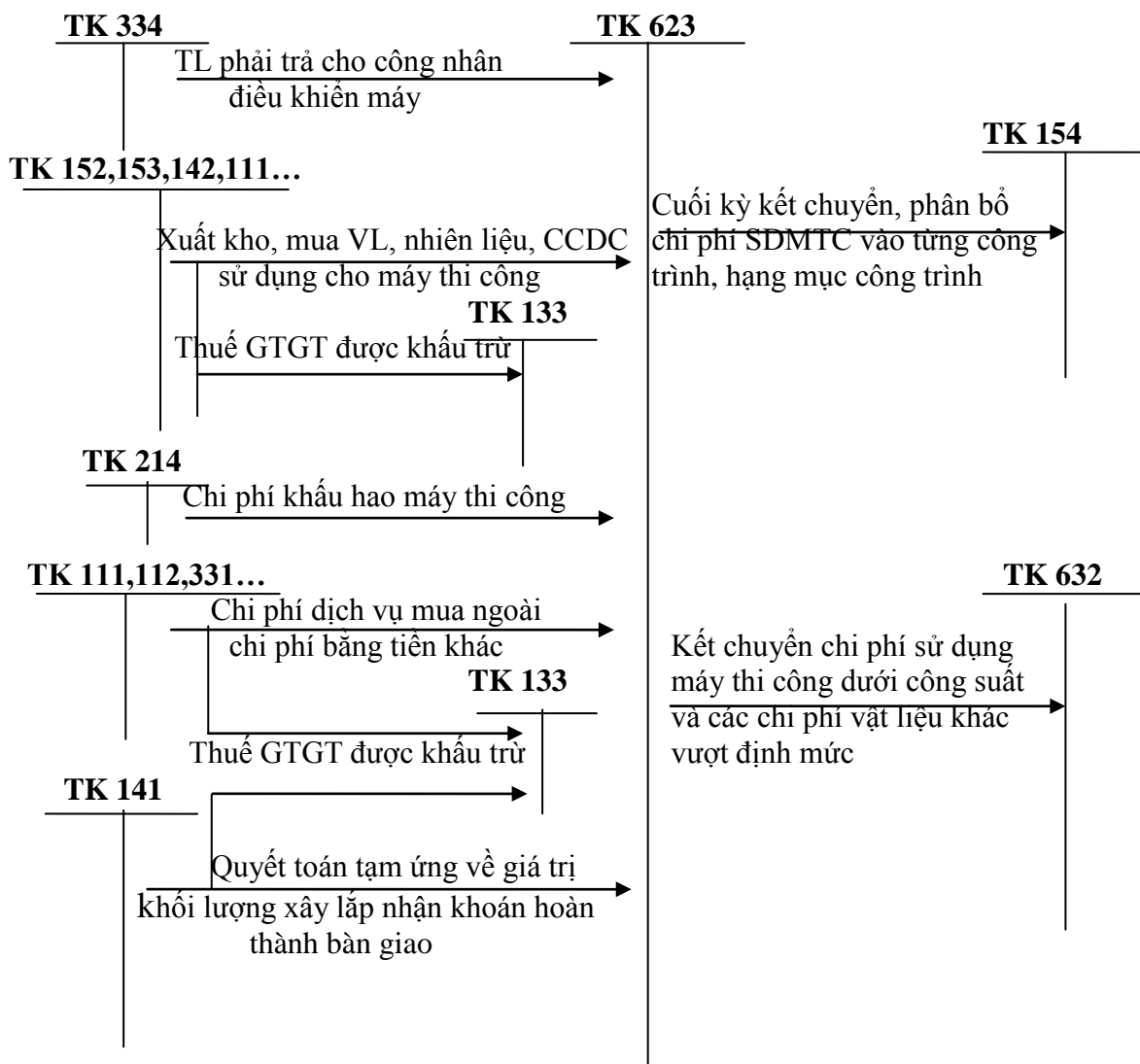
➤ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung chứ không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho các đội xây lắp.

***Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp đội máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng)***



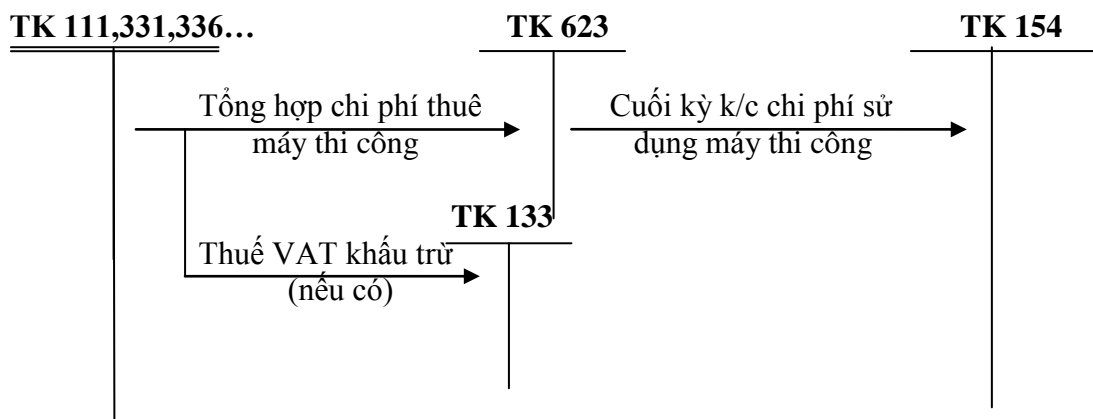
➤ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không có tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

***Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không có đội máy thi công riêng)***



➤ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công – thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công cho các đơn vị xây lắp) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

***Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công
(Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài máy thi công)***



1.3.2.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí quản lý và phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp. Đây là những chi phí phát sinh trong từng bộ phận, từng đội xây lắp như: tiền lương nhân viên quản lý thi công, các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định và các chi phí khác phục vụ hoạt động của đội xây lắp.

Nếu các khoản chi phí chỉ liên quan đến một công trình, hạng mục công trình sẽ được tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình đó. Còn nếu các khoản chi phí liên quan đến nhiều đối tượng thì sẽ được phân bổ cho các đối tượng theo các tiêu thức phân bổ thích hợp như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, tiền lương công nhân xây lắp... theo công thức sau:

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ cho đối tượng } i = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}} * \text{Tiêu thức phân bổ của đối tượng } i$$

* *Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng*

Để phản ánh chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp hai:

- TK 6271 “Chi phí nhân viên đội thi công”
- TK 6272 “Chi phí vật liệu”
- TK 6273 “Chi phí dụng cụ”
- TK 6274 “Chi phí khấu hao máy thi công”
- TK 6277 “chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6278 “Chi phí bằng tiền khác”.

Tài khoản 627 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Ngoài ra để hạch toán chi phí sản xuất chung kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan: TK334, TK338, TK152, TK153, TK141, TK 111, TK112,...

Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương; bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, các chứng từ gốc liên quan đến chi phí mua ngoài sử dụng cho sản xuất...

* *Phương pháp kế toán*

+ Chi phí sản xuất chung phát sinh thực tế được tập hợp:

Nợ TK 627 (chi tiết theo từng đối tượng)

Có TK 334,338 (chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương của NVQL đội)

Có TK 152, 153: Chi phí NVL, chi phí dịch vụ phục vụ cho sản xuất

Có TK 214: Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng ở đội thi công

Có TK 142: Chi phí trả trước

Có TK 335: Trích trước chi phí phải trả

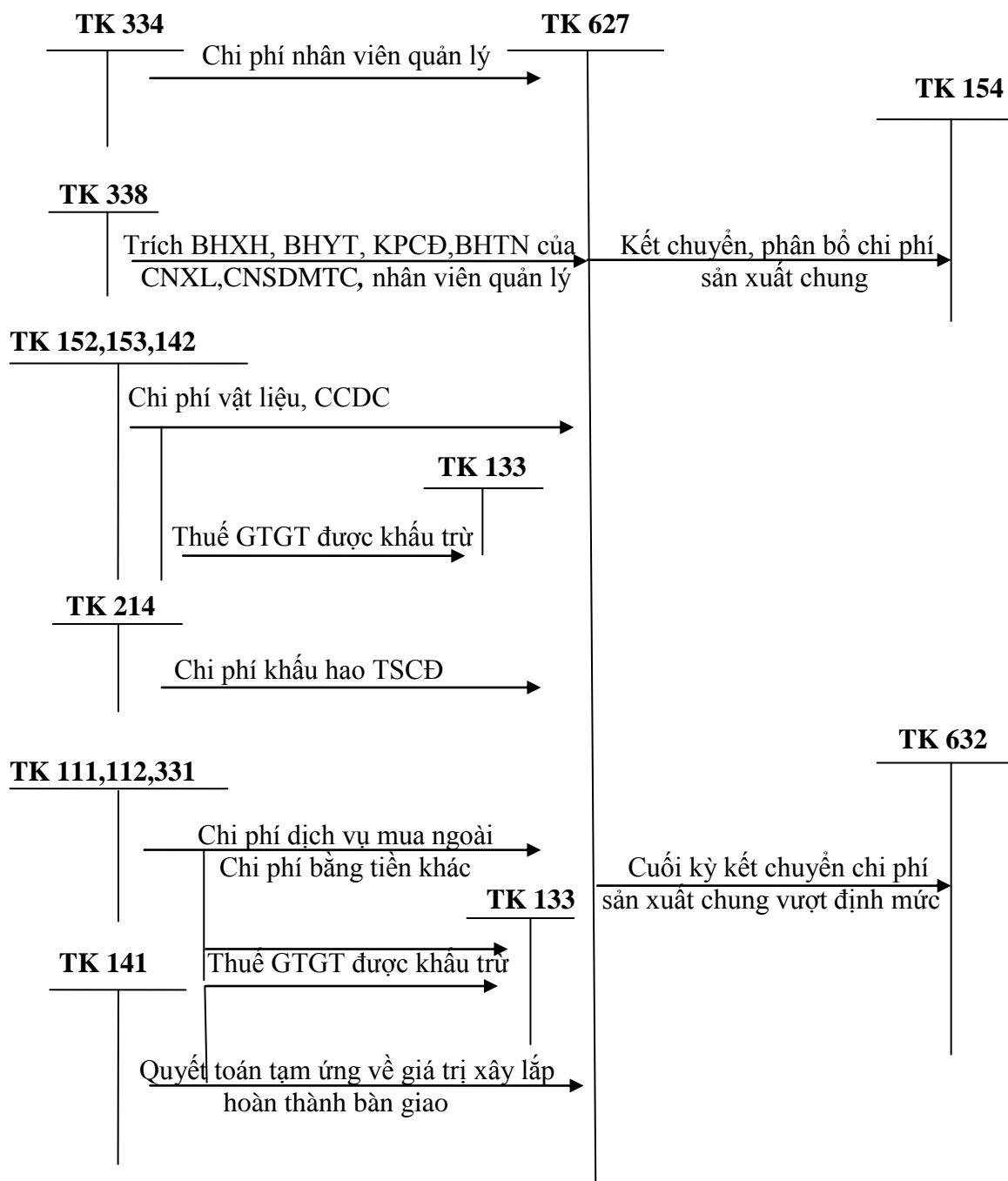
Có TK 111, 112, 331: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Cuối kỳ chi phí sản xuất chung đã tập hợp được kết chuyển để tính giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất chung của đơn vị nào kết chuyển và tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đó.

Nợ TK 154 (chi tiết liên quan)

Có TK 627

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



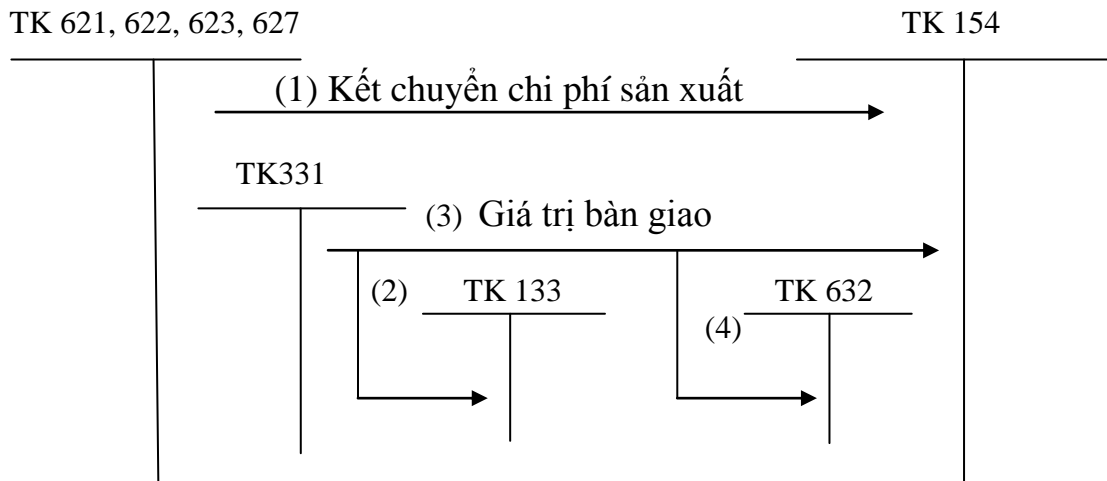
1.3.2.5. Hạch toán tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm những chi phí có liên quan đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được tập hợp vào bên nợ các tài khoản 621, 622, 623, 627. Để tính được giá thành sản phẩm cho từng đối tượng, kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí đối với các chi phí đã tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng, còn đối với các chi phí không tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng kế toán phải tính phân bổ các chi phí này cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp.

Để tập hợp chi phí sản xuất kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Các tài khoản liên quan là TK621, TK622, TK623, TK627. Tài khoản 154 có 4 tài khoản cấp 2 và được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- TK 1541 “xây lắp”
- TK 1542 “sản phẩm khác”
- TK 1543 “dịch vụ”
- TK 1544 “chi phí bảo hành xây lắp”

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán tập hợp chi phí sản xuất



- (1) - Trường hợp tự làm
- (2) - Trường hợp là nhà thầu chính
- (3) - Nếu sản phẩm xác định là chưa tiêu thụ
- (4) - Nếu sản phẩm xác định là tiêu thụ.

1.3.3. Công tác kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm làm dở trong các doanh nghiệp xây lắp là công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp dở dang trong kỳ chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

Để phục vụ cho việc tính giá thành của sản phẩm xây lắp thì định kỳ (tháng, quý...) doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê khối lượng công việc đã hoàn thành hay còn dở dang. Muốn đánh giá sản phẩm dở dang một cách chính xác trước hết phải kiểm kê chính xác khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ, đồng thời phải phát hiện được những tổn thất trong quá trình thi công.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và bên giao thầu.

- Những công trình, hạng mục công trình được quy định thanh toán sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang chính là tổng chi phí sản xuất phát sinh từ thời điểm khởi công cho đến thời điểm kiểm kê đánh giá.

- Những công trình, hạng mục công trình được quy định thanh toán theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì giá trị sản phẩm dở dang là giá trị khối lượng xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn dở dang theo các tiêu thức phân bổ sau:

* Theo giá trị dự toán

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\ = \\ \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}} * \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

* Theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ} \\
 = \\
 \text{Chi phí dự} \\
 \text{toán của} \\
 \text{khối lượng} \\
 \text{xây lắp} \\
 \text{hoàn thành} \\
 \text{bàn giao} \\
 \text{trong kỳ} \\
 + \\
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp thực hiện} \\
 \text{trong kỳ} \\
 + \\
 \text{Chi phí dự toán} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở dang} \\
 \text{cuối kỳ đã tính} \\
 \text{chuyển theo sản} \\
 \text{lượng hoàn thành} \\
 \text{tương đương} \\
 * \\
 \text{Chi phí của} \\
 \text{khối lượng xây} \\
 \text{lắp dở dang} \\
 \text{cuối kỳ đã tính} \\
 \text{chuyển theo} \\
 \text{sản phẩm} \\
 \text{hoàn thành} \\
 \text{tương đương}
 \end{array}$$

* Theo chi phí dự toán

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực} \\
 \text{tế của khối} \\
 \text{lượng xây} \\
 \text{lắp dở dang} \\
 \text{cuối kỳ} \\
 = \\
 \text{Chi phí thực} \\
 \text{tế của khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{dở dang đầu} \\
 \text{kỳ} \\
 + \\
 \text{Chi phí thực} \\
 \text{tế của khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{thực hiện} \\
 \text{trong kỳ} \\
 + \\
 \text{khối lượng} \\
 \text{xây lắp hoàn} \\
 \text{thành bàn} \\
 \text{giao trong kỳ} \\
 \text{theo dự toán} \\
 + \\
 \text{khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ} \\
 \text{theo dự toán} \\
 * \\
 \text{khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ} \\
 \text{đã tính} \\
 \text{chuyển theo} \\
 \text{dự toán}
 \end{array}$$

1.3.4. Tổ chức công tác kế toán tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.3.4.1. Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra cần phải được tính giá thành và giá thành đơn vị. Khác với hạch toán chi phí sản xuất, công việc tính giá thành là xác định giá thực tế toàn bộ sản phẩm đã được hoàn thành.

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm, bộ phận kế toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất thực tế của doanh nghiệp, các loại sản phẩm, lao vụ mà doanh nghiệp sản xuất, tính chất sản xuất và sử dụng của chúng để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

Trong xây dựng cơ bản, do tổ chức sản xuất mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm xây lắp đều có dự toán, thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành sản phẩm là *các công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao*.

Việc xác định đối tượng tính giá thành là căn cứ để mở các phiếu tính giá thành, tổ chức công tác tính giá thành theo từng đối tượng, phục vụ cho việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và tính toán hiệu quả, xác định chính xác thu nhập.

Trên cơ sở đối tượng tính giá thành đã được xác định, căn cứ vào chu kỳ sản xuất sản phẩm và cách tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp xác định kỳ tính giá thành để đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành và được xác định tùy thuộc vào tính chất sản phẩm cụ thể:

+ Đối với các đơn vị đặt hàng, công việc được coi là hoàn thành thì kỳ tính giá thành bắt đầu từ khi sản xuất theo đơn đặt hàng đến khi hoàn thành đơn đặt hàng đó.

+ Đối với hạng mục công trình xây dựng thì kỳ tính giá thành phụ thuộc vào kỳ thanh toán sản phẩm hoàn thành cho bên giao thầu. Vì vậy, sau khi công trình hoàn thành được nghiệm thu thanh toán mới tính giá thành thực tế của sản phẩm.

+ Đối với công trình lớn, thời gian thi công kéo dài thì chỉ khi nào một bộ phận công trình hoàn thành, có giá trị sử dụng và được bàn giao thanh toán thì mới tính giá thành thực tế sản phẩm.

Như vậy, căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm mà kỳ tính giá thành có thể là thời điểm cuối mỗi tháng, cuối mỗi quý, cuối mỗi năm hoặc là thời điểm kết thúc chu kỳ sản xuất sản phẩm đã hoàn thành...

1.3.4.2. Phương pháp tính giá thành

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp hay hệ thống các phương pháp sử dụng để tính giá thành sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Nói cách khác, phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được của kế toán để tính giá thành sản phẩm.

Hiện nay trong các doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng một số phương pháp sau:

a/ Phương pháp tính giá thành trực tiếp (Phương pháp giản đơn)

Phương pháp này được áp dụng chủ yếu trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc nên đối tượng tập hợp chi phí cũng là đối tượng tính giá thành, nếu trong kỳ không có sản phẩm dở dang hoặc có nhưng không đáng kể thì chi phí sản xuất đã được tập hợp trong kỳ cho mỗi đối tượng tính giá thành là tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì giá thành sản phẩm được tính theo công thức:

$$\mathbf{Z = Dđk + C - Dck}$$

Trong đó:

Z : Giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao

Dđk, Dck : Chi phí dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

C : Chi phí phát sinh trong kỳ

Nếu các công trình, hạng mục công trình có thiết kế khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một đội thi công đảm nhiệm và không có điều kiện theo dõi quản lý riêng việc sử dụng các chi phí khác nhau cho từng công trình, hạng mục công trình thì chi phí sản xuất đã tập hợp được trên toàn bộ công trình, hạng mục công trình đều phải được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công

trình. Khi đó, giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình được tính như sau:

$$Z_i = G_{dti} * H$$

Trong đó:

H : Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế

$$H = \frac{\Sigma C}{\Sigma G_{dt}} * 100\%$$

ΣC : Tổng chi phí thực tế của các công trình, hạng mục công trình

ΣG_{dt} : Tổng giá trị dự toán của tất cả các công trình

Z_i : Giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình thứ i

G_{dti} : Giá trị dự toán của công trình thứ i

b/ Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng của khách hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất. Chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành. Kỳ tính giá thành không đồng nhất với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này, mỗi đơn đặt hàng kế toán mở một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí dở dang của khối lượng xây lắp.

c/ Phương pháp tổng cộng chi phí.

Phương pháp này thường được áp dụng đối với các công trình, hạng mục công trình lớn, phức tạp, phải trải qua nhiều giai đoạn thi công, quá trình sản xuất có thể được tiến hành thông qua các đội sản xuất khác nhau mới hoàn thành được sản phẩm.

Theo phương pháp này thì giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình được tính như sau:

$$Z = Dđk + C_1 + C_2 + C_3 + \dots + C_n - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình

$C_1, C_2, C_3, \dots, C_n$: Chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hoặc từng hạng mục công trình của một công trình.

$Dđk, Dck$: Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

d/ Phương pháp tính giá thành sản phẩm theo định mức

Phương pháp này được áp dụng ở những doanh nghiệp có quy trình sản xuất đã định hình và đi vào ổn định, đồng thời doanh nghiệp đã xây dựng được các định mức vật tư, lao động có căn cứ kỹ thuật và tương đối chính xác. Việc quản lý và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dựa trên cơ sở hệ thống định mức. Dựa vào hệ thống định mức, kế toán xác định giá thành đơn vị định mức sản phẩm, đồng thời cũng phải theo dõi chặt chẽ tình hình thay đổi định mức trong kỳ và tình hình chi tiêu cho sản xuất so với định mức. Theo phương pháp này giá thành sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành định} \\ \text{mức của sản phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chênh lệch} \\ \text{định mức} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thay đổi} \\ \text{định mức} \end{array}$$

Trong đó giá thành định mức của sản phẩm được xác định căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật hiện hành. Chênh lệch định mức là số chênh lệch do thoát ly định mức (do tiết kiệm hoặc vượt chi). Thay đổi định mức là do định mức kỳ này thay đổi so với kỳ trước.

$$\begin{array}{l} \text{Chênh lệch do} \\ \text{thoát ly định mức} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{theo từng khoản mục} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí định mức (theo} \\ \text{từng khoản mục)} \end{array}$$

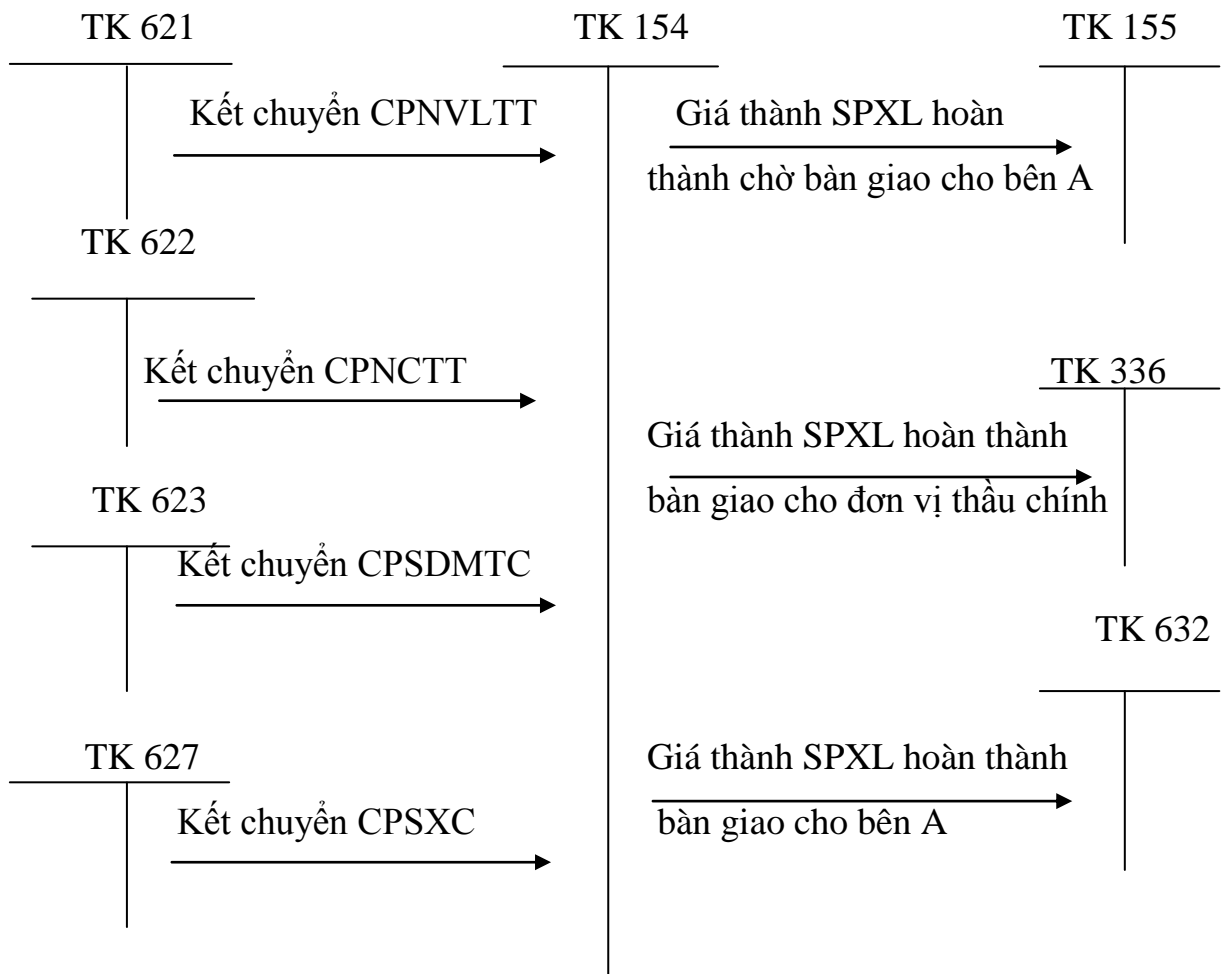
$$\text{Thay đổi định mức} = \text{Định mức mới} - \text{Định mức cũ}$$

Thông qua phương pháp này, doanh nghiệp có thể kiểm tra tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất và tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hay lãng phí chi phí, phát hiện kịp thời các nguyên nhân làm tăng giá thành, từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời.

1.3.4.3. Tổ chức kế toán giá thành sản phẩm xây lắp

Các chi phí phục vụ cho xây lắp công trình, hạng mục công trình được kết chuyển hoặc phân bổ vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tính giá thành sản phẩm.

Sơ đồ 1.8. Kế toán giá thành sản phẩm xây lắp



1.3.5. Hạch toán hoạt động xây lắp theo phương thức khoán gọn.

Chuyển sang cơ chế thị trường, hoạt động xây dựng cơ bản có nhiều thay đổi. Một trong những thay đổi đó là phương thức khoán gọn trong xây lắp được sử dụng ngày càng phổ biến. Các đơn vị nhận khoán (xí nghiệp, tổ, đội...) có thể nhận khoán gọn khối lượng, công việc hoặc hạng mục công trình. Giá nhận khoán bao gồm cả chi phí tiền lương, vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung.

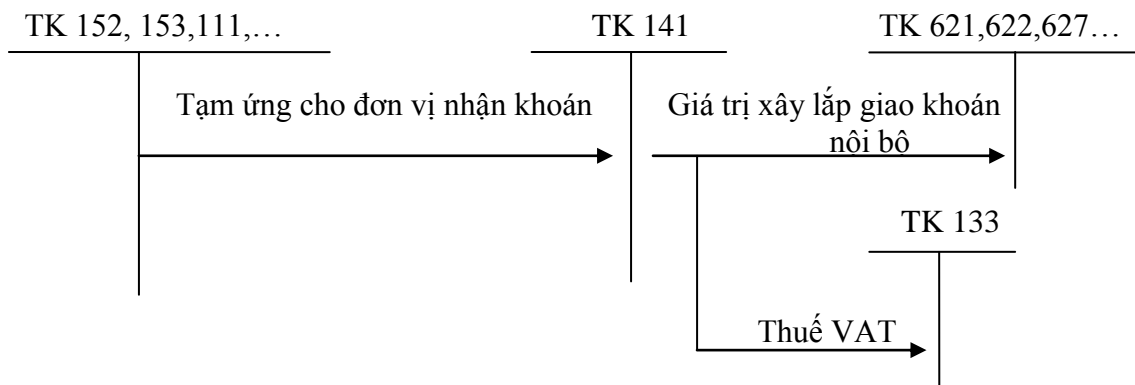
Khi nhận khoán, hai bên giao khoán và nhận khoán phải lập hợp đồng giao khoán trong đó ghi rõ nội dung công việc, trách nhiệm, quyền lợi mỗi bên và thời

hạn thực hiện hợp đồng. Khi hoàn thành công trình nhận khoán và bàn giao, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng.

1.3.5.1. Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng

❖ *Hạch toán tại đơn vị giao khoán*

**Sơ đồ 1.9. Hạch toán chi phí sản xuất tại đơn vị giao khoán
(đơn vị nhận khoán không có bộ máy kế toán riêng)**



❖ *Hạch toán tại đơn vị nhận khoán*

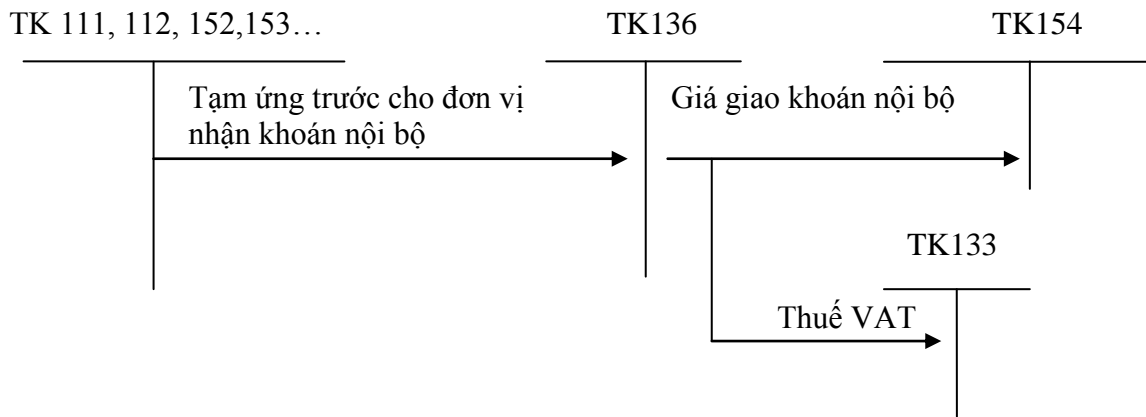
Đơn vị nhận khoán không có bộ máy kế toán riêng mà chỉ có nhân viên thực hiện công tác ghi chép ban đầu và mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp nhận khoán cả về giá trị nhận khoán và chi phí thực tế theo từng khoản mục chi phí. Số chênh lệch giữa chi phí thực tế với giao khoán là mức tiết kiệm hoặc vượt chi của đơn vị nhận khoán.

1.3.5.2. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng.

❖ *Hạch toán tại đơn vị giao khoán*

Kế toán tại đơn vị giao khoán (đơn vị cấp trên) sử dụng tài khoản 136 (1362– phải thu về giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ) để phản ánh toàn bộ giá trị mà đơn vị ứng về vật tư, tiền, khấu hao tài sản cố định... cho các đơn vị nhận khoán nội bộ, chi tiết theo từng đơn vị. Đồng thời tài khoản này cũng sử dụng để phản ánh giá trị xây lắp hoàn thành nhận bàn giao từ các đơn vị nhận khoán nội bộ có phân cấp quản lý riêng. Tài khoản này theo quy định chỉ sử dụng ở đơn vị giao khoán.

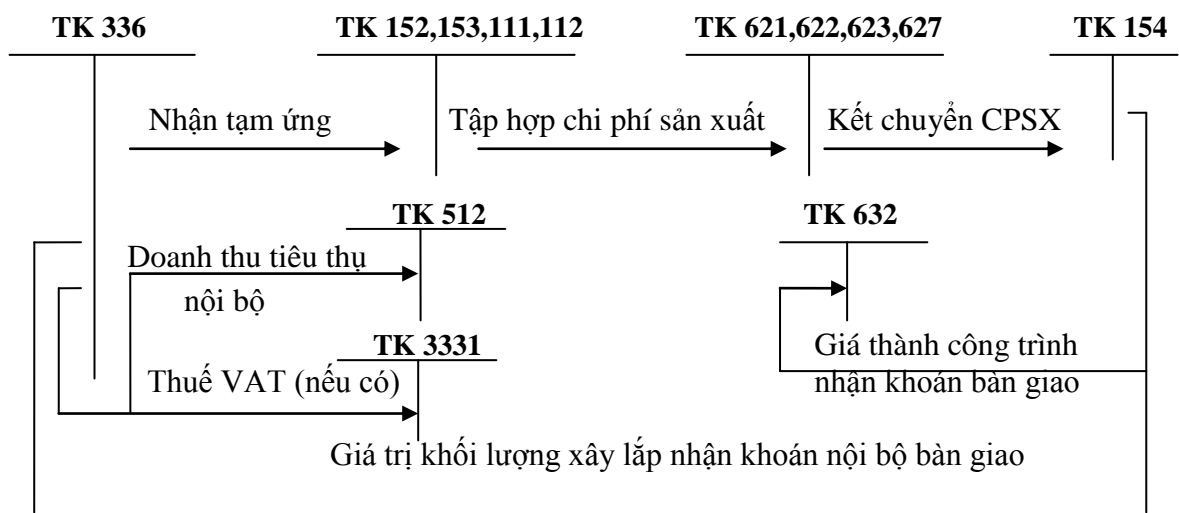
**Sơ đồ 1.10. Hạch toán chi phí sản xuất tại đơn vị giao khoán
(đơn vị nhận khoán có bộ máy kế toán riêng)**



❖ **Hạch toán tại đơn vị nhận khoán**

Kế toán đơn vị nhận khoán (đơn vị cấp dưới) sử dụng tài khoản 336 (3362- Phải trả về giá trị khối lượng xây lắp nội bộ) để phản ánh tình hình nhận tạm ứng và quyết toán giá trị khối lượng xây lắp nhận khoán nội bộ với đơn vị giao khoán (cấp trên).

**Sơ đồ 1.11. Hạch toán chi phí tại đơn vị nhận khoán
(đơn vị nhận khoán không có bộ máy kế toán riêng)**



Đơn vị giao khoán không hạch toán kết quả mà đơn vị nhận khoán hạch toán kết quả.

1.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN ĐỂ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẬP

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán và đảm bảo cho việc ghi chép được dễ dàng, chính xác mỗi doanh nghiệp cần phải có hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Việc ghi chép sổ sách kế toán là công việc thường xuyên, diễn ra hàng ngày, vì vậy cần phải tổ chức ghi chép sổ sách một cách khoa học, chặt chẽ.

Theo chế độ kế toán hiện hành, có 4 hình thức tổ chức sổ kế toán là: Hình thức Nhật ký sổ cái, hình thức Nhật ký chung, hình thức Chứng từ ghi sổ và hình thức Nhật ký chứng từ.

➤ ***Hình thức Nhật ký sổ cái***

Hình thức tổ chức này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có loại hình kinh doanh đơn giản, chỉ thực hiện một loại hoạt động, có quy mô nhỏ, trình độ quản lý và kế toán thấp, điều kiện lao động thủ công...

Theo hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trước hết được thực hiện trên bảng phân bổ chi phí, sổ chi tiết các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154 và tiếp theo trên sổ tổng hợp nhật ký sổ cái. Sau đó, kế toán căn cứ vào các sổ chi tiết chi phí sản xuất, biên bản kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang và nhật ký sổ cái để lập bảng tính giá thành sản phẩm.

➤ ***Hình thức Nhật ký chung***

Hình thức tổ chức sổ này thường được áp dụng trong điều kiện giống như hình thức nhật ký sổ cái và rất phù hợp nếu doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và cuối kỳ lên sổ cái. Ngoài ra doanh nghiệp còn mở một sổ nhật ký đặc biệt. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện trên các bảng phân bổ chi phí, sổ chi tiết tài khoản và trên hệ thống sổ tổng hợp như nhật ký chung và sổ cái các tài khoản 621, 622,

623, 627, 154. Dựa trên hệ thống sổ chi tiết, sổ cái và kết quả đánh giá sản phẩm dở dang, kế toán tiến hành lập bảng tính giá thành sản phẩm.

➤ ***Hình thức Chứng từ ghi sổ***

Đây là hình thức kế toán kết hợp ghi sổ theo thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Theo hình thức này, các chứng từ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế có cùng nội dung sẽ được tập hợp để đưa lên chứng từ ghi sổ và cuối kỳ lên sổ cái trên cơ sở các chứng từ ghi sổ kèm theo các chứng từ gốc. Việc hạch toán chi phí sản xuất được thực hiện trên sổ kế toán chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí và sổ chi tiết các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154. Việc tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp trên sổ cái được căn cứ vào các chứng từ ghi sổ. Hình thức tổ chức này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có mật độ nghiệp vụ phát sinh tương đối lớn và đã có sự phân công lao động kế toán.

➤ ***Hình thức Nhật ký chứng từ***

Đây là hình thức tổ chức sổ kế toán dùng để tập hợp và hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản, kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo bên Nợ của các tài khoản đối ứng. Để theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh, kế toán sử dụng các bảng kê: bảng kê số 4 (tập hợp chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình), bảng kê số 5 (tập hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), bảng kê số 6 (tập hợp chi phí trả trước, chi phí phải trả) và Nhật ký chứng từ số 7 (tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp). Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các sổ chi tiết, bảng phân bổ phục vụ cho hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

PHẦN II
THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước có tên “*Công ty xây dựng cơ bản thủy lợi Thái Bình*”; là doanh nghiệp được thành lập năm 1968, do Sở Thủy lợi Thái Bình quản lý. Hoạt động trước đây của Công ty chỉ bó hẹp trong việc xây đắp đê điều; cứng hóa kênh mương tưới, tiêu, xây dựng các trạm bơm tưới tiêu. Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Hợp tác xã nông nghiệp trong địa bàn tỉnh Thái Bình; Công ty hoạt động với danh nghĩa công ích “*Gán thu bù chi*” và hoạt động của Công ty đều được Ngân sách Nhà nước bao cấp toàn bộ. Đến tháng 7/1994 đổi thành “*Công ty xây dựng thủy lợi Thái Bình*” do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình là đơn vị chủ quản.

Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước cho phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình đã chính thức chuyển đổi hình thức chủ sở hữu từ Công ty nhà nước thành “*Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình*” theo Quyết định số 567/UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 03/7/2001 và Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 1594 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Tên Công ty: **Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.**

Trụ sở giao dịch: Số 328, Đường Lý Thường Kiệt, Thành phố Thái Bình.

Điện thoại: 0363 731 876

Fa x: 0363 732 091

Vốn Điều lệ: 3.800.000.000VND, (*Ba tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*).

Đây là Công ty cổ phần có 100% vốn góp của các cổ đông trong doanh nghiệp, không có cổ đông ngoài doanh nghiệp.

Mệnh giá một cổ phiếu thống nhất là: 100.000VND

Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình có đủ tư cách pháp nhân (*Theo Luật Doanh nghiệp*), là đơn vị hạch toán kinh doanh độc lập, có tài khoản tiền gửi tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Bình; có khả năng tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.

2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty CP xây dựng thủy lợi Thái Bình có nhiệm vụ huy động và sử dụng vốn có hiệu quả cao trong việc xây lắp các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp. Nhằm mục đích phát triển các vùng nông thôn Thái Bình, phục vụ cho chương trình hiện đại hoá nông thôn Việt Nam do Đảng và Nhà nước ban hành. Trong những năm qua, Công ty đã góp phần xây dựng các chương trình phát triển kinh tế của tỉnh Thái Bình, tham gia vào chương trình 4Đ của tỉnh “Điện, Đường, Trường, Trạm” góp phần đổi mới bộ mặt nông thôn nhất là chương trình giao thông nông thôn mà tỉnh Thái Bình đã được Bộ Giao thông tặng danh hiệu “tỉnh có đường giao thông nông thôn kiểu mẫu trong thời kỳ đổi mới”, đồng thời với phương pháp quản lý chặt chẽ các nguồn nhân tài vật lực của đơn vị đã đem lại cho đơn vị những lợi nhuận trong quá trình SXKD không ngừng mở rộng quy mô SXKD cũng như không ngừng nâng cao cải thiện đời sống cán bộ, công nhân trong Công ty.

Với chức năng của Công ty bao gồm:

- + XD các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp
- + Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký kinh doanh và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Sản phẩm chính của Công ty:

- + XD các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp vừa và nhỏ.
- + Lắp đặt thiết bị cơ khí như: Máy bơm, cửa van và các thiết bị đóng mở cánh cống cấp, thoát nước.
- + Xây dựng các công trình thủy lợi như: Đê, kè, cống, trạm bơm...

Qua suốt thời gian hơn 40 năm thành lập và hoạt động (*Từ năm 1968 đến năm 2012*) cùng với sự thay đổi về kể cả tên gọi và chất lượng cũng như uy tín của

Công ty, các công trình do Công ty sáng tạo và xây dựng đã là cách thể hiện và khẳng định cách làm vững chắc và luôn đổi mới đi lên hoà nhập với nền kinh tế mở thị trường với sự phát triển của đất nước, chấp nhận sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế.

Nhìn lại lịch sử phát triển của Công ty trong 40 năm qua, nhất là trong những năm gần đây nền kinh tế thị trường mở với nhiều thành phần kinh tế song song tồn tại và phát triển, tình hình kinh tế cả nước đã vào thế ổn định, tình hình phát triển với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt nhưng Công ty vẫn tồn tại và khẳng định vị thế của mình ngày một nâng cao, Công ty vẫn tạo được nhiều công việc ổn định, đã tham gia đấu thầu các công trình và các hạng mục công trình lớn ở trong và ngoài tỉnh, thu nhập của Công ty năm sau cao hơn năm trước. Đời sống của cán bộ, công nhân trong Công ty ngày càng được nâng lên rõ rệt. Với kết quả đã đạt được, Công ty đã được UBND tỉnh Thái Bình, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp nhiều giấy khen, bằng khen với thành tích là đơn vị thi công có chất lượng cao nhất miền Bắc, đặc biệt là đơn vị đã thiết kế và thi công trạm bơm Minh Tân đã đạt huy chương vàng toàn miền Bắc trong cuộc thi công trình thuỷ lợi đẹp về kiến trúc và chất lượng cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng.

Để thấy rõ hơn về hiệu quả trong SXKD của Công ty ta đi sâu tìm hiểu một số chỉ tiêu về chất của Công ty thông qua các bản Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của hai năm 2010 và 2011 như sau:

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY
NĂM 2010, NĂM 2011**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch 2011-2010	
			Tiền	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và CC DV	19.254.148.545	21.757.187.365	2.503.038.820	13%
<i>Trong đó:</i> Doanh thu thuần	18.797.727.154	21.074.142.425	2.276.415.271	12%
2. Giá vốn hàng bán	16.849.863.143	18.672.522.524	1.822.659.381	10,80%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	1.947.864.011	2.401.619.901	453.755.890	23,20%
4. Doanh thu HĐTC	422.248.563	406.521.512		
5. Chi phí tài chính	251.866.532	289.462.475		
6. Chi phí quản lý DN	1.547.528.563	1.780.271.975		
7. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	570.717.479	738.406.963		
8. Thu nhập khác	12.184.432	18.540.547		
9. Chi phí khác	5.273.345	12.720.478		
10. Lợi nhuận khác	6.911.087	5.820.069		
11. Tổng lợi nhuận KT trước thuế	577.628.566	744.227.032	166.598.466	28,80%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	161.735.998	208.383.569	46.647.570	28,80%
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	415.892.568	535.843.463	119.950.896	28,80%

Năm 2011 tổng doanh thu tăng 13% so với năm 2010 tương ứng số tiền 2.503.039 nghìn đồng. Doanh thu thuần năm 2011 tăng 12% so với năm 2010, tương ứng với số tiền 2.276.415.271 đồng.

Với giá vốn hàng bán năm 2008 tăng 10,8% so với năm 2010.

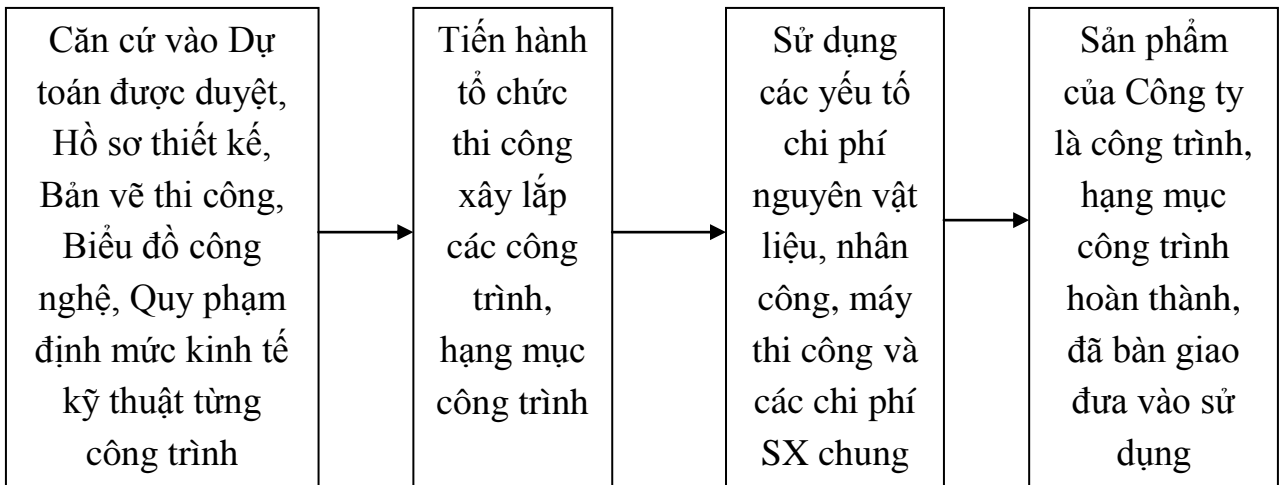
Qua đó ta thấy Công ty trong khi đẩy nhanh tốc độ thi công tăng doanh số hàng năm nhưng vẫn tiết kiệm chi phí trong quá trình thi công giảm giá vốn hàng bán ra, từ đó làm cho lợi nhuận gộp tăng lên 23,2% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế tăng 28,8% của năm 2011 so với năm 2010.

Các khoản nộp Ngân sách năm 2011 tăng 28,8% so với năm 2010.

2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất

Là Công ty xây dựng nên quá trình sản xuất sản phẩm của Công ty là quá trình tổ chức thi công, sử dụng các yếu tố nguyên vật liệu, nhân công, máy thi công và các chi phí khác để tạo lên công trình, hạng mục công trình. Công tác tổ chức thi công được tiến hành dựa trên cơ sở những tài liệu cần thiết như: thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, biểu đồ tổ chức công nghệ công trình cũng như các tiêu chuẩn quy phạm định mức chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình. Vì vậy, tùy theo từng công trình mà Công ty tổ chức các phương pháp thi công cho phù hợp.

Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất sản phẩm của công ty



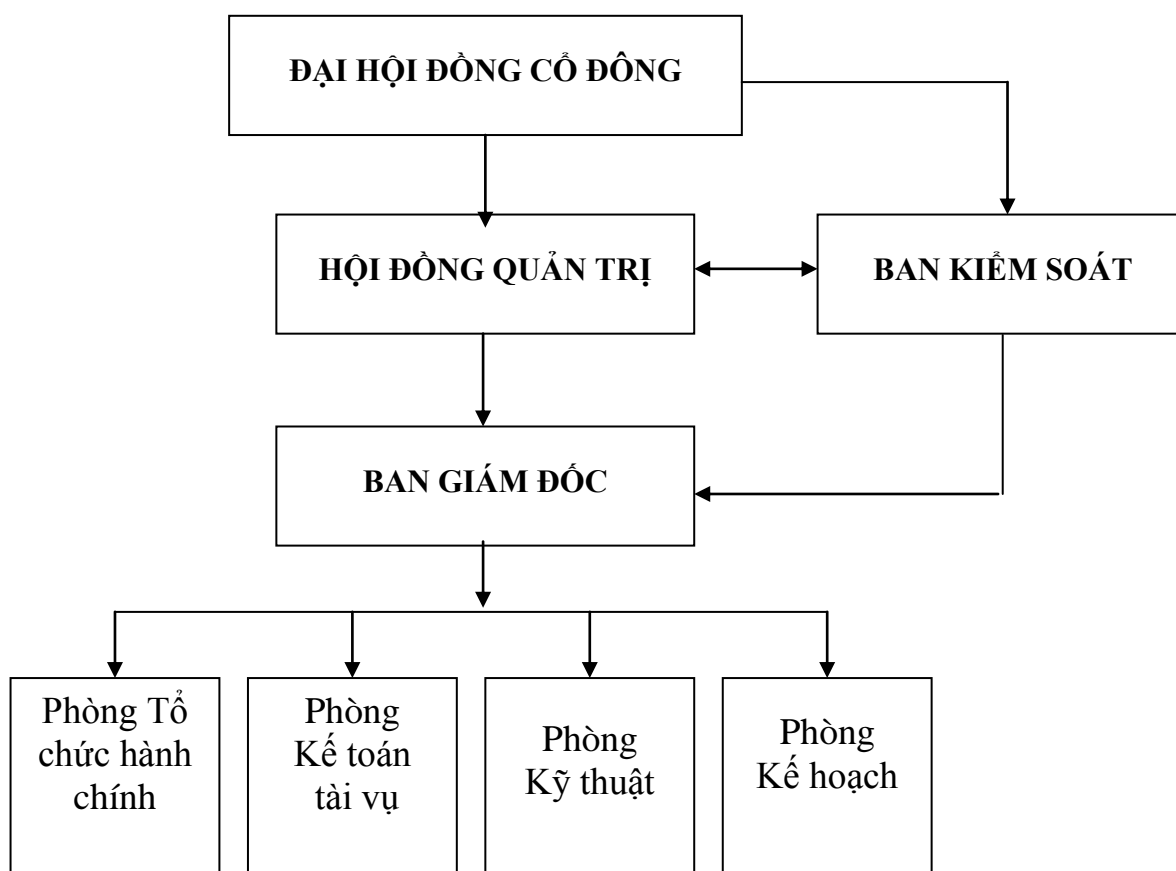
Việc nắm chắc quy trình công nghệ không chỉ giúp cho Công ty quản lý và hạch toán các yếu tố đầu vào được tổ chức một cách hợp lý mà Công ty còn có thể theo dõi từng bước quá trình tập hợp chi phí sản xuất từ khi khởi công đến giai đoạn cuối cùng. Từ đó góp phần làm giảm giá thành một cách đáng kể, nâng cao hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty.

2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Công ty CP xây dựng thủy lợi Thái Bình được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau :

**Sơ đồ 2.2. BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG THUỶ LỢI THÁI BÌNH**



* **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và kế hoạch tài chính cho những năm tiếp theo.

* **Hội đồng quản trị:** Gồm 03 thành viên:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 02 thành viên khác.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông. HĐQT có quyền quyết định chiến lược của Công ty, có trách nhiệm giám sát giám đốc điều hành và những

người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban Kiểm soát:** gồm 03 thành viên :

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc đại hội đồng cổ đông, do đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty . Thường xuyên liên hệ, thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động SXKD giúp cho HĐQT nắm rõ hơn, trung thực hơn về tình hình của toàn Công ty... đồng thời Ban kiểm soát còn kiến nghị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý.

Bộ máy của Công ty được tổ chức chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Ban giám đốc, mỗi phòng ban có một chức năng riêng, nhiệm vụ riêng, hàng tháng đều có sự đánh giá và báo cáo lên Ban giám đốc.

*** Ban Giám đốc của Công ty gồm 03 thành viên:**

- Giám đốc
- 02 Phó Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình là do HĐQT bổ nhiệm. Trong Ban giám đốc, người chịu trách nhiệm giữ vai trò chỉ đạo chung là Giám đốc Công ty. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao cụ thể. Ban Giám đốc quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày, tổ chức thực hiện các kế hoạch SXKD và phương án đầu tư của Công ty. Thông qua sự hỗ trợ của 02 Phó giám đốc điều hành, một phụ trách kinh doanh và một phụ trách hành chính tổ chức.

*** Các phòng ban trong Công ty:**

+ **Phòng Tổ chức-hành chính:** Với chức năng tham mưu cho HĐQT và BGD quản lý cổ đông và người lao động trong Công ty, sắp xếp bố trí lực lượng sản xuất, chuyển công tác, quản lý các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quản lý nhân lực trên cơ sở Luật Lao động và ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động giữa Công ty và người lao động. Chủ trì, theo dõi, đề xuất và giải quyết kịp thời về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, trật tự an ninh, an toàn xã hội khác. Quản lý thủ tục về con người và tài sản, thiết bị máy móc, xe vận tải chuyên dùng trong phạm vi toàn Công ty.

+ **Phòng Kỹ thuật:** Là đơn vị thực hiện hai nhiệm vụ chủ yếu.

- Đấu thầu các công trình.
- Quản lý chất lượng trên các công trình.

Hai nhiệm vụ này có vai trò quan trọng như khi đấu thầu các công trình, phòng Kỹ thuật khi làm Hồ sơ đấu thầu công trình phải đạt được những mục tiêu. Nghiên cứu đề án đấu thầu, thuyết minh kỹ thuật, kiểm tra tính toán về khối lượng làm cơ sở cho BGD Công ty quyết những công trình có khả năng thực thi và thắng thầu. Cùng với phòng Kế hoạch tham mưu giá bỏ thầu. Quản lý về chất lượng các công trình thi công, theo dõi sát sao tiến độ thi công xây dựng các công trình theo quy trình, quy phạm đúng với hồ sơ mời thầu và giao thầu. Việc làm này mang tính quyết định đến uy tín của Công ty, vì vậy phải phân công cụ thể cán bộ theo dõi, có mở nhật ký theo dõi và ghi chép cho từng công trình, phản ánh trung thực và kịp thời về những tồn tại và các khoản phát sinh trong quá trình thi công với BGD Công ty. Có quyền quyết định việc dừng thi công của các công trình khi vi phạm vào các quy trình, quy phạm.

Chính vì vậy, Phòng Kỹ thuật đã thực sự là một đơn vị tham mưu đặc lực cho BGD Công ty.

+ **Phòng Kế hoạch:** Nhiệm vụ trong đấu thầu công trình: Kết hợp chặt chẽ với phòng Kỹ thuật, GD Xí nghiệp xây dựng công trình, tính toán dự toán thầu, phải có mối liên hệ với Chủ đầu tư, nhận biết các thông tin cập nhật hàng ngày, liên hệ với các nhà thầu, thương thuyết và giải quyết cụ thể từng gói thầu.

Tham mưu cho BGD Công ty và HĐQT các công trình giao nhận thầu, thống nhất với phòng Kỹ thuật, Tài vụ sau khi đã kiểm tra kiểm soát về đề án giải pháp kỹ thuật thi công để quyết định tỷ lệ khoán cho Xí nghiệp nhận thi công, trình GD ký duyệt.

Chức năng thanh quyết toán, khi phát sinh công trình mới, phòng Kế hoạch lập dự toán giao khoán trình HĐQT và BGD Công ty xem xét và phê duyệt, sau đó lập phiếu giao khoán cho các đơn vị nhận khoán công trình hoặc hạng mục công trình. Phối hợp với các Xí nghiệp xây dựng làm các thủ tục thanh quyết toán với Chủ đầu tư. Thực hiện quyết toán với các XN khi có đủ thủ tục nghiệm thu nội bộ và quyết toán công trình được phê duyệt.

Theo dõi việc thuê tài sản như: máy thi công, phao, ván khuôn, khung đà giáo, tôn,... Cập nhật sổ sách hàng ngày, thống nhất với phòng Tài vụ để thanh toán cho các đơn vị thuê.

Dự trữ và cung ứng các loại vật tư thiết yếu, hiếm để phục vụ kịp thời cho tiến độ thi công.

+ **Phòng Kế toán-Tài vụ:** Chức năng quản lý tài chính theo các văn bản hiện hành về tài chính của Nhà nước theo chế độ quy định và theo Pháp lệnh Kế toán thống kê. Tổ chức hạch toán kế toán trên toàn Công ty. Đảm bảo yêu cầu chính xác, kịp thời, đầy đủ và có hiệu quả, bảo toàn vốn, tổ chức khai thác nguồn vốn để phục vụ thi công. Nhận báo cáo theo tiến độ thi công của các XN xây dựng gửi về, lập báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính, Thuế và các cơ quan chuyên môn.

+ **Các Xí nghiệp xây dựng trực thuộc Công ty:**

Các Xí nghiệp này được Công ty cho phép thành lập các bộ máy quản lý (*do BGD bổ nhiệm*), nhằm thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan đề ra và phục vụ, đáp ứng các yêu cầu của các phòng ban chức năng trên Công ty và thực hiện chức năng quản lý hạch toán nội bộ. Các XN được phép tùy theo nhu cầu của các công trình mà thuê nhân công bên ngoài để đảm bảo tiến độ thi công nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng của công trình, các XN chịu trách nhiệm trực tiếp trong thi công phải đảm bảo an toàn và thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản chi phí khác trong công tác quản lý của Công ty...

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

Bộ máy kế toán của Công ty phát triển và trưởng thành tương ứng với quy mô và tốc độ phát triển của Công ty. Do điều kiện địa bàn trên hoạt động rộng, cơ cấu bộ máy kế toán theo hình thức nửa tập trung, nửa phân tán là rất phù hợp với quá trình quản lý và theo dõi sự biến động của tài sản.

Phòng Kế toán của Công ty được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc. Đứng đầu là kế toán trưởng được phân công theo dõi và chỉ đạo trực tiếp các nhân viên kế toán trong Công ty. Phòng Kế toán tài vụ trong Công ty có nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức mọi công tác kế toán để thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các chứng từ kế toán của đơn vị.

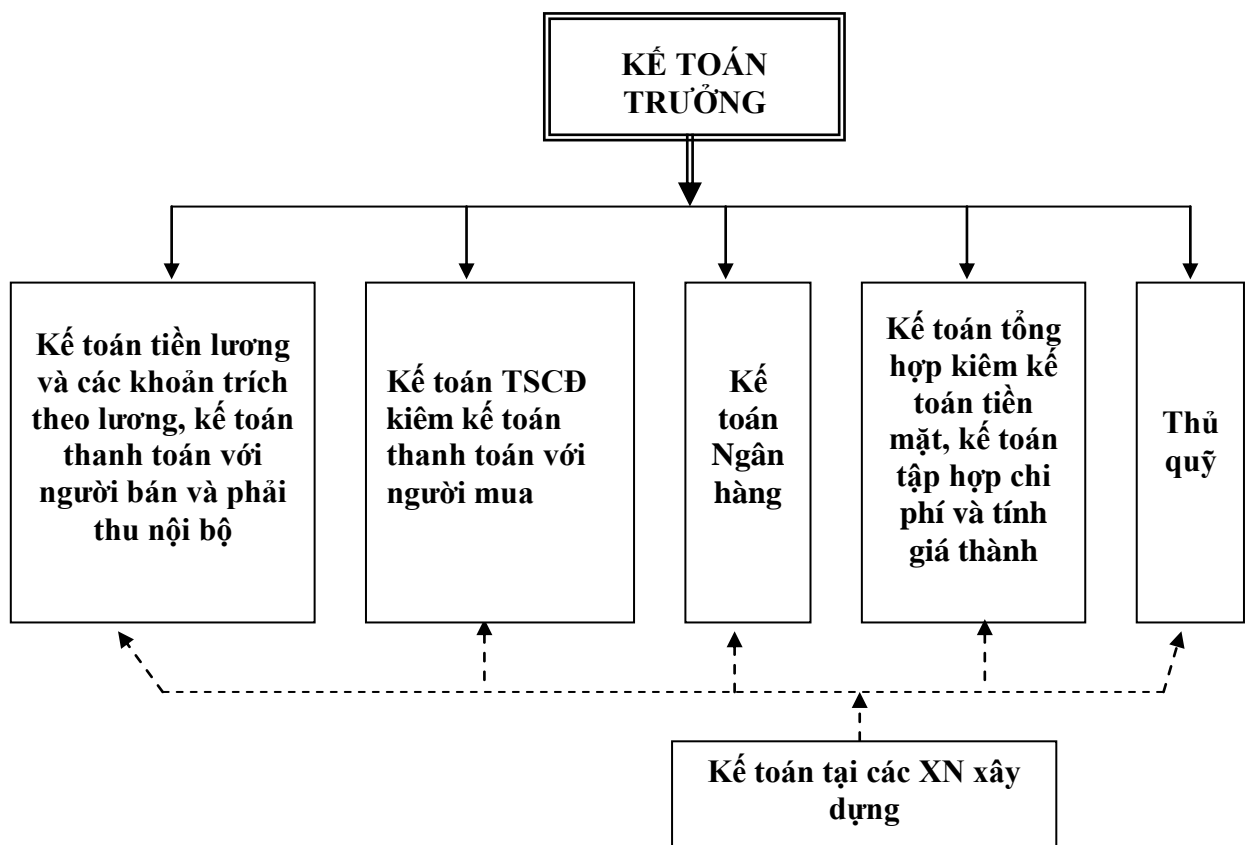
- Giúp Giám đốc hướng dẫn các bộ phận trong Công ty thực hiện đầy đủ các ghi chép hàng ngày.....phục vụ cho việc điều hành hàng ngày mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Ngoài ra bộ phận kế toán còn tham gia công tác kiểm kê tài sản, kiểm kê hàng tồn kho, tổ chức bảo quản và lưu trữ các hồ sơ, tài liệu kế toán.

Phòng Kế toán gồm 4 nhân viên. Bao gồm một kế toán trưởng và các kế toán phân hành. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung thực hiện tại phòng kế toán từ khâu tập hợp số liệu, ghi sổ kế toán đến khi lập Báo cáo tài chính.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức như sau:

Sơ đồ 2.3. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY



+ Ghi chú:

- > *Quan hệ chỉ đạo.*
- - - - -> *Quan hệ cung cấp số liệu.*

+ Kế toán trưởng :

Là người đảm bảo tổ chức quản lý tài chính của Công ty sao cho có hiệu quả, đúng chế độ kế toán, chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt pháp lý, về con số, quản lý tài sản, nguồn vốn trong doanh nghiệp và chịu trách nhiệm tổ chức công tác kế toán của Phòng.

Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT về việc quản lý tài chính của Công ty.

+ Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán thanh toán với người bán và phải thu nội bộ.

Nhân viên kế toán đảm nhận công việc này có nhiệm vụ:

Ghi chép, phản ánh chính xác về số lượng lao động, thời gian, kết quả lao động, tính lương và các khoản trích theo lương. Phân bổ chi nhân công theo đúng đối tượng sử dụng lao động. Hướng dẫn các phòng ban, tổ đội, phân xưởng thực hiện đầy đủ chứng từ ghi chép ban đầu về lao động, tiền lương như bảng chấm công...

Theo dõi tình hình thanh toán lương, thưởng, các khoản phụ cấp cho người lao động

- Lập các báo cáo về lao động, tiền lương phục vụ cho công tác quản lý của nhà nước và của Công ty, đồng thời theo dõi các khoản thanh toán nội bộ và thanh toán với người bán.

- Lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương chính xác để phục vụ cho việc tập hợp chi phí sản xuất của Công ty.

- Lập và theo dõi tính toán chính xác quyết toán Bảo hiểm xã hội phải nộp cho người lao động với cơ quan Bảo hiểm.

+ Kế toán ngân hàng:

Có nhiệm vụ phản ánh chính xác các khoản tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng như rút tiền gửi ngân hàng về quỹ, nộp tiền vào tài khoản, người mua trả tiền vào tài khoản, giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán không qua quỹ tiền mặt.

- Theo dõi ghi chép đầy đủ kịp thời việc vay, trả nợ ngân hàng

- Lập kế hoạch trả nợ ngân hàng (nếu có)

+ Kế toán TSCĐ, kế toán thanh toán với người mua.

Kế toán viên đảm nhận công việc này có trách nhiệm theo dõi sát sao việc sử dụng TSCĐ.

Ghi chép phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời về số lượng TSCĐ, tình hình tăng giảm TSCĐ, thực trạng của TSCĐ, lập kế hoạch sửa chữa khấu hao. Kiểm kê, đánh giá TSCĐ thường xuyên, phát hiện thừa thiếu TSCĐ, lập báo cáo định kỳ về tình hình TSCĐ của Công ty với lãnh đạo, phân bổ kế hoạch TSCĐ sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí SXKD.

Đồng thời theo dõi các khoản thanh toán với người mua và lập các báo cáo thống kê gửi cơ quan Nhà nước khi có yêu cầu.

+ Kế toán tổng hợp kiêm kế toán tiền mặt, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành:

Có nhiệm vụ hướng dẫn lập chứng từ như: Giấy biên nhận thanh toán, tạm ứng... và lập chứng từ thu - chi. Báo cáo nhanh các khoản thu chi tồn quỹ với kế toán trưởng, Giám đốc. Kiểm tra đối chiếu tiền mặt giữa sổ sách kế toán với thủ quỹ. Cuối tháng (quý) trên cơ sở các khoản chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được kết chuyển, kế toán tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong tháng, đồng thời tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ để làm căn cứ tính tổng sản phẩm hoàn thành.

Khi công trình hoàn thành bàn giao, kế toán tổng hợp có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, doanh thu, giá vốn, chi phí quản lý, chi phí hoạt động tài chính... xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính định kỳ.

+ Thủ quỹ

Là người giữ toàn bộ nguồn tiền mặt hiện có của Công ty. Có nhiệm vụ thu - chi khi có chứng từ thu tiền và chi tiền cụ thể hợp lệ, hợp lý.

Cuối ngày tổng hợp thu chi cân đối sổ sách kiểm tra nguồn tiền và có trách nhiệm đảm bảo tuyệt đối an toàn về nguồn tiền. Chịu trách nhiệm vật chất về nguồn tiền mình giữ.

+ Ngoài ra còn có các kế toán theo dõi trực tiếp tại các xí nghiệp xây dựng

Có trách nhiệm kiểm tra, xử lý các chứng từ ban đầu, thanh toán lương và các khoản chi phí khác, cấp phát tiền tới từng công trình, hạch toán chi tiết, tổng hợp các hoạt động của XN mình. Hàng tháng gửi về phòng Kế toán tổng hợp của

Công ty, trên phòng kế toán thực hiện việc tổng hợp số liệu báo cáo của các kế toán tại các XN và hạch toán các nghiệp vụ mang tính chất chung toàn doanh nghiệp và lập báo cáo kế toán định kỳ.

2.1.3.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

Hiện nay Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Ghi nhận theo nguyên giá.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Căn cứ vào thời gian sử dụng.

Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.

Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tiêu thụ: Sản phẩm công trình hoàn thành được bên A quyết toán nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng..

Chứng từ kế toán được lập duy nhất cho một nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu, rõ ràng, trung thực, chứng từ không tẩy xóa, không viết tắt, có đầy đủ các chữ ký. Tất cả các chứng từ đều được kiểm soát chặt chẽ trước khi ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hệ thống tài khoản của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình được vận dụng linh hoạt theo hệ thống tài khoản được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đặc điểm về tổ chức sổ kế toán

Hiện nay công tác hạch toán ở Công ty đang áp dụng hình thức nhật ký chung được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Toàn bộ công tác kế toán từ việc nhận, lập chứng từ gốc, chứng từ ban đầu, đến việc luân chuyển chứng từ, bảng phân bổ, ghi sổ sách chi tiết để theo dõi từng nghiệp vụ phát sinh đến việc vào sổ tổng hợp các TK và lập báo cáo tài chính đều được Phòng kế toán của Công ty thực hiện đúng theo chế độ quy định. Tại Công

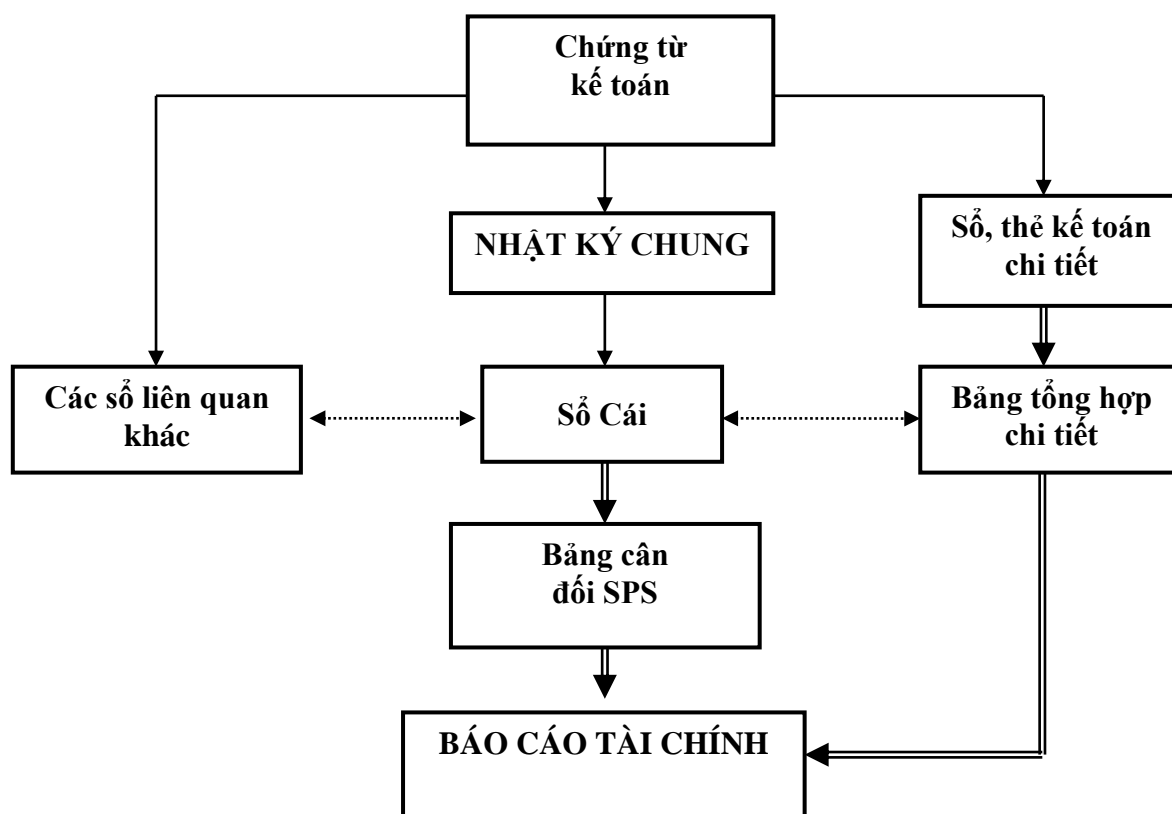
ty, việc ghi chép sổ sách vẫn sử dụng thủ công, chưa áp dụng phần mềm kế toán cho công tác kế toán của đơn vị mình.

Các loại sổ sách được dùng trong hình thức Nhật ký chung:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ, thẻ chi tiết

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung của Công ty được khái quát theo sơ đồ sau

Sơ đồ 2.4. TRÌNH TỰ GHI SỔ, HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THUỶ LỢI THÁI BÌNH



+ Ghi chú:

Ghi hàng ngày. \longrightarrow

Ghi cuối tháng. \Longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu. \longleftrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp sau đó ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ *nhật ký chung*, căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ *nhật ký chung* để ghi vào sổ *cái* theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ *nhật ký chung*, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ *cái*, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ *cái* và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết vào cuối mỗi kỳ) được dùng để lập *báo cáo tài chính*.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ *nhật ký chung* cùng kỳ.

*** Báo cáo kế toán:**

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình được thực hiện theo quy định ở chuẩn mực kế toán số 22- “Trình bày báo cáo tài chính”, tuân thủ nguyên tắc: trung thực, khách quan, thận trọng, trọng yếu. Trung thực về tình hình tài chính của Công ty, đúng bản chất kinh tế của các giao dịch, trình bày đầy đủ mọi khía cạnh trọng yếu.

Việc lập báo cáo tài chính căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán. Báo cáo được lập đúng nội dung, phương pháp, trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Báo cáo Tài chính của Công ty được lập theo định kỳ, theo đúng mẫu đã được quy định, theo chế độ kế toán (*QĐ số 15 của Bộ Tài chính*).

- Bảng cân đối kế toán: (mẫu số B 01-DN).
- Bảng cân đối tài khoản (mẫu số F 01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động SX-KD: (mẫu số B 02-DN).
- Thuyết minh Báo cáo tài chính: (mẫu số B 09-DN).

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bởi kế toán trưởng và được giám đốc ký và đóng dấu.

Cuối mỗi quý, năm Công ty cần hoàn tất các báo cáo này để nộp lên:

- + Hội đồng quản trị Công ty
- + Cục Thuế Thái Bình
- + Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình

Không chỉ lập báo cáo, nhân viên kế toán còn tiến hành phân tích chúng để có những kiến nghị, đề xuất giúp cho Ban giám đốc đưa ra được những quyết định, những giải pháp thích hợp cho việc điều hành, quản lý doanh nghiệp trong tương lai.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH

2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty

Sản phẩm của công ty sản xuất là các công trình xây dựng do vậy công ty tập hợp chi phí thi công theo công trình, hạng mục công trình. Trong trường hợp công trình lớn hoặc bên chủ đầu tư yêu cầu thì công ty tổ chức hạch toán chi phí theo hạng mục công trình. Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất ở công ty là chi phí phát sinh tại công trình (hạng mục công trình) nào thì tập hợp cho công trình đó. Đối với chi phí phát sinh dùng cho nhiều công trình thì công ty tiến hành phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

Chi phí sản xuất của công ty bao gồm toàn bộ các chi phí sản xuất phát sinh trong lĩnh vực hoạt động xây lắp, là bộ phận cấu thành nên sản phẩm xây lắp. Do đặc điểm riêng của ngành nên chi phí thường mang tính chất đa dạng, không ổn định, phụ thuộc vào từng giai đoạn thi công từ đó mà quá trình tập hợp chi phí xây lắp gặp nhiều khó khăn.

2.2.1.2 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí phù hợp với quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán, giúp công ty tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm. Trong quá trình hoạt động, công ty có thể là nhà thầu chính hoặc có trường hợp là nhà thầu phụ, đối tượng để công ty ký kết hợp đồng xây dựng là các công trình hay hạng mục công trình. Cũng có nghĩa là sản phẩm của công ty sản xuất ra là các công trình hay hạng mục công trình. Và chúng chính là đối tượng tập hợp chi phí.

2.2.1.3. Phân loại chi phí sản xuất

Để tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch sản xuất, giá thành dự toán, tính giá thành sản phẩm, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch dự toán, công ty phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí, bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: bao gồm toàn bộ các loại vật liệu cần thiết để tạo ra sản phẩm: nguyên liệu chính (xi măng, sắt, thép, gạch, cát, đá,...); các loại vật liệu phụ (dây thép buộc, đinh, que, que hàn điện...); các loại vật tư chế sẵn (lưới thép, bê tông đúc sẵn...) và các vật tư hoàn thiện công trình...

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: bao gồm các khoản lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp lương của công nhân tham gia vào việc thi công gồm công nhân trực tiếp thi công, tổ trưởng các tổ thi công và công nhân chuẩn bị, thu dọn công trường.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*

- + Đối với máy thi công của công ty: Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm chi phí khấu hao máy thi công, nhiên liệu chạy máy, tiền lương cho công nhân điều khiển và phụ máy, các khoản chi phí khác như sửa chữa, bảo dưỡng máy...

- + Đối với máy thi công do công ty thuê: chi phí bao gồm toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc thuê máy (thuê trọn gói).

- *Chi phí sản xuất chung*: bao gồm toàn bộ các chi phí khác như chi phí quản lý, lán trại, điện nước... và dịch vụ thuê ngoài.

2.2.2. Đặc điểm công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

2.2.2.1. Đối tượng tính giá thành tại công ty

Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các công trình, các giai đoạn công việc đã hoàn thành hoặc hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành.

2.2.2.2. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành của công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình vào các quý trong năm khi có một công trình hoàn thành bàn giao.

2.2.2.3. Phương pháp tính giá thành tại công ty

Công ty áp dụng tính giá thành theo phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp) có nghĩa là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình sẽ là

tổng chi phí phát sinh được tập hợp kể từ khi khởi công công trình cho đến khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư của công trình đó. Áp dụng theo công thức sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} \\ \text{tế của sản phẩm} & & \text{của khối lượng} & & \text{của khối lượng} & & \text{của khối lượng} \\ \text{xây lắp hoàn} & = & \text{xây lắp dở} & + & \text{xây lắp dở} & - & \text{xây lắp dở} \\ \text{thành bàn giao} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{đang trong kỳ} & & \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

2.2.3. Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình.

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản là các công trình và hạng mục công trình được thi công tại nhiều địa điểm cách xa nhau, vì vậy các đơn vị không cần thiết phải mua nguyên vật liệu về dự trữ mà khi có nhu cầu thì chủ nhiệm công trình sẽ mua nguyên vật liệu và đưa thẳng tới công trình không cần qua kho (thực hiện theo cơ chế khoán của ông ty). Điều này sẽ đảm bảo cho chất lượng nguyên vật liệu cũng như giảm bớt được chi phí bảo quản... Do vậy kế toán công ty không hạch toán vật liệu trực tiếp qua tài khoản 152, 153... mà hạch toán trực tiếp vào tài khoản 621,627...

Trong khuôn khổ bài khóa luận, em xin lấy dẫn chứng minh họa về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình đối với công trình “Nhà kho công ty TNHH Nam Cường”.

Công trình này được ký kết giữa công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình (bên nhận thầu) với Công ty TNHH Nam Cường (Bên giao thầu) ngày 25 tháng 01 năm 2011, theo hợp đồng số 708/2011/HĐ-XD, công trình bắt đầu thi công từ ngày 01/02/2011 bàn giao ngày 31/03/2011. Sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, bên A sẽ thanh toán cho bên B 98% giá trị quyết toán được duyệt. Bên A giữ lại 2% giá trị quyết toán tiền bảo hành công trình. Công trình bảo hành 12 tháng. Bên B được hoàn tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận hoàn thành công việc bảo hành.

Sau khi hợp đồng kinh tế được ký kết, công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình khoán công trình cho Xí nghiệp xây dựng số 1 thi công.

2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu, quản lý nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu rõ tầm quan trọng đó công ty luôn chú trọng tới việc hạch toán nguyên vật liệu từ khâu thu mua, vận chuyển tới quá trình sản xuất thi công ở công trường.

Vật liệu sử dụng cho hoạt động xây lắp của công ty bao gồm nhiều chủng loại. Khi có công trình thì dựa vào các tài liệu dự toán của công trình, các định mức kinh tế, kỹ thuật mà xác định nhu cầu vật liệu cần thiết.

Các công trình thi công thường ở xa trụ sở của công ty nên để thuận tiện cho việc xây dựng công trình, tránh vận chuyển tốn kém công ty không tiến hành nhập kho nguyên vật liệu tại công ty rồi xuất dùng khi cần mà nguyên vật liệu chủ yếu mua ngoài chuyển thẳng tới chân công trình thi công và thuộc trách nhiệm quản lý của đội trưởng công trình, hạng mục công trình thi công.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng (công trình, hạng mục công trình) theo giá trị thực tế đích danh của từng loại nguyên vật liệu ghi trên hóa đơn.

❖ *Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

+ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ khác có liên quan

+ Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” dùng để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất sản phẩm xây lắp trong kỳ

+ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ Nhật Ký chung
- Sổ cái tài khoản 621

- Sổ chi tiết tài khoản 621
- Các sổ có liên quan khác.

❖ *Quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được diễn ra như sau:*

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng trong quá trình thi công tại công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Thái Bình gồm nhiều loại, được chia thành hai nhóm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ.

- Nguyên vật liệu chính dùng trong quá trình thi công gồm các loại vật liệu xây dựng chủ yếu như : gạch, vôi, xi măng, cát, đá, sắt thép...

- Nguyên vật liệu phụ gồm các loại nguyên vật liệu xây dựng cấu thành vào công trình như: vật liệu phụ và công cụ sản xuất, toàn bộ số dụng cụ như giàn giáo cốp pha, dao xây và các dụng cụ sản xuất khác...

Việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp cho từng công trình và được thực hiện ở từng Xí nghiệp xây dựng.

Để đảm bảo việc sử dụng vật tư đúng mức phòng kế hoạch căn cứ vào khối lượng dự toán công trình, tình hình sử dụng vật tư và tình hình tổ chức sản xuất... để kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng nguyên vật liệu cho từng kỳ.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ và một số chứng từ khác có liên quan kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ chi tiết TK621. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 621 và sổ cái các tài khoản có liên quan.

VD: Ngày 18/02/2011 Công ty mua vật liệu xuất thẳng đến công trình Nhà Kho công ty TNHH Nam Cường, thanh toán bằng chuyển khoản. Tổng giá thanh toán 712.910.000 đồng

Biểu số 2.1


HOÁ ĐƠN GTGT		Mẫu số 01GTKT-3LL			
Liên 2: Giao khách hàng		CS/2011B			
Ngày 18 tháng 2 năm 2011		Số: 0002750			
Đơn vị bán hàng:		Công ty TNHH 27/7			
Địa chỉ:		Số 230, Đường Hoàng Diệu, TP Thái Bình			
Điện thoại:		0363.837.490		MST: 1000270902	
Họ và tên người mua hàng:					
Đơn vị:		Công ty cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Bình			
Địa chỉ:		Số 328, Lý Thường Kiệt, Thành phố Thái Bình			
Hình thức thanh toán:		CK		MST: 1000270801	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	I	2	3
1.	Thép Ø 8	kg	25.000	17.500	437.500.000
2	Thép Ø 6	kg	12.000	17.550	210.600.000
Cộng tiền hàng:					648.100.000
Thuế suất GTGT 10%; Tiền thuế GTGT					64.810.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					712.910.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm mười hai triệu chín trăm mười nghìn đồng./.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2

 BIDV	Ủy nhiệm chi PAYMENT order		Số/Seq No:.....2.18..... Ngày/Date: 18/02/2011
	Số tiền bằng số/Amount in figures:	712.910.000 đ	Số tiền bằng chữ/Amount in words: Bảy trăm mười hai triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn./ Nội dung/ Remarks: Trả tiền mua vật liệu công trình Nhà kho công ty TNHH Nam Cường
đơn vị/người yêu cầu: CÔNG TY CP XD THỦY LỢI TB APPLICANT: Số CMT/ID/PP: Ngày cấp/Date:/...../..... Nơi cấp/Place: Số TKIA/C No: 4711.0000.0000-12 Tại NH/At Bank: Đầu tư và Phát triển Thái Bình		Đơn vị/người hưởng: CÔNG TY TNHH 27/7 BENEFICIARY: Số CMT/ID/PP: Ngày cấp/Date:/...../..... Nơi cấp/Place: Số TKIA/C No: 4711.0000.0078-29 Tại NH/At Bank: Đầu tư và Phát triển Thái Bình	
Kế toán trưởng <i>Chief/Accountant</i>	Chủ tài khoản <i>Accountant</i> Holder	Ngân hàng gửi/sending bank (BIDV) Giao dịch viên <i>Received by</i>	Ngân hàng nhận/receiving bank Giao dịch viên <i>Received by</i> Kiểm soát <i>Verified by</i>

Khi vật liệu được chuyển đến chân công trình, thủ kho tiến hành kiểm tra chất lượng và số lượng vật liệu rồi lập phiếu nhập kho đồng thời lập phiếu xuất kho để xuất vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm.

Biểu số 2.3:

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CPXD THUỶ LỢI THÁI BÌNH
BỘ PHẬN:Xí nghiệp xây dựng số 1.....

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 18 tháng 02 năm 2011
Số: 2.12

Họ và tên người giao hàng: ***Hoàng Xuân Mai***
Theo Hoá đơn bán hàng số 0002750 ngày 18 tháng 02 năm 2011
Nhập tại kho: Nam Cường
Địa điểm: Thị trấn Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

STT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				THEO CHỨNG TỪ	THỰC NHẬP		
1.	Thép Ø 8		Kg	25.000	25.000	17.500	437.500.000
2.	Thép Ø 6		kg	12.000	12.000	17.550	210.600.000
	Cộng						648.100.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: ***Sáu trăm bốn mươi tám triệu một trăm ngàn đồng chẵn./.***

Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 18 tháng 02 năm 2011

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán**
(Ký, ghi rõ họ tên) **(Ký, ghi rõ họ tên)** **(Ký, ghi rõ họ tên)** **(Ký, ghi rõ họ tên)**

Biểu số 2.4:

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CPXD THUỶ LỢI THÁI BÌNH

BỘ PHẬN:Xí nghiệp xây dựng số 1.....

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Số: 2.7

Họ và tên người nhận: ***Bùi Minh Tuấn***

Lý do xuất kho: Thi công công trình Nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Xuất tại kho: Nam Cường

TT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				YÊU CẦU	THỰC XUẤT		
1.	Thép cuộn ϕ 8		Kg		25.000	17.500	437.500.000
2.	Thép cuộn ϕ 6		Kg		12.000	17.550	210.600.000
	Cộng						648.100.000

Tổng số tiền viết bằng chữ:

Sáu trăm bốn mươi tám triệu một trăm nghìn đồng chẵn./.

Số chứng từ gốc kèm theo: 02

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trên cơ sở các chứng từ gốc là hóa đơn mua hàng cuối tháng kế toán Xí nghiệp lập Báo cáo xuất vật tư gửi lên công ty. Báo cáo xuất vật tư giúp cho phòng kế toán kết hợp với phòng kế hoạch đối chiếu với khối lượng dự toán và từ đó có biện pháp chỉ đạo trong trường hợp cần thiết.

Biểu số 2.5:

CÔNG TY CPXD THUỶ LỢI THÁI BÌNH
Xí nghiệp xây dựng số 1

Mẫu số: 03- TT
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

TRÍCH BÁO CÁO XUẤT VẬT TƯ

Tháng 2 năm 2011

Công trình: Nhà kho công ty TNHH Nam Cường

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
						
1	Thép cuộn ϕ 6		Kg		282	17.550	4.949.100
2	Thép cuộn ϕ 8		Kg		22.048	17.500	385.840.000
3	Thép cuộn ϕ 14		Kg		2.370	17.500	41.475.000
4	Thép cây ϕ 12		Kg		1.256	17.500	21.980.000
5	Thép cây ϕ 16		Kg		1.442	17.450	25.162.900
6	Xi măng Hoàng Thạch		Tấn		10	1.298.000	12.980.000
						
	Cộng						892.387.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *tám trăm chín hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn.*

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Thủ kho công trình
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

Sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các hóa đơn chứng từ kế toán vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 621 và sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621.

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	STT đồng	SH TK ĐU'	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
		
02/02	PC2.5	02/03	Mua văn phòng phẩm cho phòng giám đốc			642 133 112	6.920.000 692.000	7.612.000
08/02	UNC2.9	08/02	Mua vật tư xuất thẳng cho công trình nhà kho công ty Nam Cường			621 133 112	218.920.000 21.892.000	240.812.000
.....
18/02	UNC2.18	18/02	Mua vật tư của công ty TNHH 27/7 xuất thẳng cho công trình nhà kho công ty Nam Cường			621 133 112	648.100.000 64.810.000	712.910.000

			Tổng cộng				165.546.789.754	165.546.789.754

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Luận văn tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty Cổ phần XD TL Thái Bình
Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S36a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Biểu số 2.7:

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý I năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Tên công trình: Nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Đvt: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Ghi nợ TK 621							
SH	NT			Tổng tiền	Chia ra					
					Gạch	Cát	Đá	Xi măng	Thép Φ 6		Thép Φ 8
		Số dư đầu kỳ									
										
UNC2.17	12/02	Mua vật tư xuất thăng cho thi công	112	337.912.400	253.340.500	32.521.300		52.050.600			
UNC2.18	18/02	Mua vật tư xuất thăng cho thi công	112	648.100.000					210.600.000	437.500.000	
PC2.57	18/02	Mua vật tư xuất thăng cho thi công	111	18.273.600		12.650.000	5.623.600				
										
		Cộng phát sinh		1.392.570.500							
		Số dư cuối kỳ									

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.8:

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CPXD THUỶ LỢI THÁI BÌNH

Địa chỉ: Km1, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Quý I năm 2011

Tên tài khoản : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Số hiệu : 621

Đvt: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D			F	1	2
			Số dư đầu kỳ					
							
12/02	UNC2.17	12/02	Xuất vật tư thi công công trình			112	46.424.100	
18/02	UNC2.18	18/02	Xuất vật tư thi công			112	648.100.000	
19/02	PKT2.20	19/02	Xuất vật tư thi công			331	121.320.400	
							
31/03	PKT3.102	31/03	Kết chuyển CPNVLTT công trình nhà kho công ty Nam Cường			154		1.392.570.500
			Cộng số phát sinh				1.392.570.500	1.392.570.500
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Do đặc điểm hoạt động của công ty có nhiều công trình, thi công tại nhiều địa phương khác nhau trong cả nước vì vậy Công ty sử dụng nhân công trực tiếp là lao động thuê ngoài theo phương thức khoán sản phẩm, thuê tại chính địa phương nơi có công trình, hoặc ký các hợp đồng lao động ngắn hạn. Việc sử dụng lao động thuê ngoài trong cơ chế khoán hiện nay là hoàn toàn phù hợp giúp doanh nghiệp giảm được chi phí trong trường hợp công trường không hoạt động liên tục. Mỗi xí nghiệp thi công có một giám đốc xí nghiệp và một kỹ thuật công trình để đơn đốc, theo dõi, hỗ trợ, kiểm tra công nhân thực hiện phần được giao khoán đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ công trình. Khối lượng công việc hoàn thành kế toán công ty lập bảng lương và thanh toán lương kịp thời cho công nhân.

❖ *Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

+ Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng lao động
- Bảng chấm công và trả lương

+ Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng tài khoản 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp” để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm xây lắp. Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Thái Bình được hạch toán theo từng công trình, hạng mục công trình.

Ngoài ra để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: TK 334, TK 338, TK 111, TK 112...

+ Sổ sách sử dụng :

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 622
- Sổ chi tiết TK 622
- Các sổ khác có liên quan

❖ *Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Thái Bình.*

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Thái Bình là lương công nhân trực tiếp tham gia thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình.

Do đặc thù của ngành là có tính cơ động lớn nên Công ty tổ chức lực lượng lao động trực tiếp - công nhân thi công bao gồm hai bộ phận:

- Lực lượng lao động thuộc biên chế của Công ty
- Lực lượng lao động thời vụ thuê ngoài

* *Hình thức trả lương của Công ty:* Có hai hình thức

– Lương khoán: Căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành, căn cứ vào định mức tiền lương cho từng công việc để làm cơ sở tính lương và được giao khoán theo hợp đồng giao khoán. Đơn giá khoán gọn được Đội trưởng công trình và tổ trưởng của các nhóm công nhân kỹ thuật dựa trên đơn giá của Nhà nước quy định và điều kiện cụ thể của từng công trình, hạng mục công trình ghi trên hợp đồng giao khoán.

Đối với công việc giao khoán cho các đội sản xuất thi công thì cơ sở tính lương cho người lao động hàng tháng là các bảng chấm công và các hợp đồng lao động. Khi công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu bàn giao công việc với sự có mặt của giám sát kỹ thuật, đội trưởng và người nhận khoán. Trong quá trình thi công, đội trưởng theo dõi số ngày làm việc trong tháng của từng công nhân và ghi vào bảng chấm công để làm căn cứ tính tiền lương khoán cho cả tổ.

Theo phương thức này tiền lương của một công nhân sản xuất được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền công phải trả} = \frac{\text{Đơn giá một ngày công}}{\text{ngày công}} * \text{Số ngày công làm việc trong tháng}$$

Công ty không tiến hành trích các khoản trích theo lương đối với công nhân trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình.

– Lương thời gian: Áp dụng cho bộ phận lao động làm công tác văn phòng, lao động quản lý... Tiền lương tính theo hệ số lương của Công ty căn cứ vào Bảng chấm công, thời gian làm việc theo quy định là 26 ngày/tháng

$$\text{Tiền lương tháng của một công nhân viên} = \frac{\text{Mức lương tối thiểu} * \text{Hệ số lương}}{26 \text{ ngày}} * \text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng}$$

$$\text{Lương phải trả cho một công nhân viên} = \text{Lương thời gian} + \text{Các khoản phụ cấp}$$

Căn cứ vào chứng từ gốc như bảng chấm công, hợp đồng giao khoán, bảng thanh toán lương... kế toán tiến hành ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết TK 622. Sau đó từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 622.

Ví Dụ: Đối với mỗi tổ công nhân công ty tiến hành ký hợp đồng lao động khi bắt đầu thuê nhân công làm việc.

Biểu số 2.9:

Công ty CP XD TL TB
Số : .../HDLD-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 28 tháng 01 năm 2011

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH
Ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)*

Chúng tôi, một bên là ông : Nguyễn Xuân Thăng Quốc tịch : Việt Nam
Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1
Đại diện cho : Xí Nghiệp 1-Công ty CPXD TL Thái Bình
Điện thoại : 0313.878277
Địa chỉ : Số 328 Đường Lý Thường Kiệt , TP Thái Bình
Và một bên là ông : Bùi Minh Tuấn \ Quốc tịch : Việt Nam
Sinh năm : 17/08/1978 Tại :
Nghề nghiệp : Công nhân (Đại diện tổ lao động)
Địa chỉ thường trú : Đông Minh – Tiền Hải – Thái Bình
Số CMTND : 031515720.. cấp ngày 20 tháng 02 năm 2006 Tại : Thái Bình

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1 : Thời hạn và công việc hợp đồng.

- Loại hợp đồng lao động : Thời vụ
- Từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011
- Thử việc từ ngày tháng năm 20 đến ngày tháng năm 20
- Địa điểm làm việc : Công trình Nhà kho Công ty TNHH Nam Cường
- Chức danh chuyên môn : Công nhân Chức vụ : Tổ trưởng tổ lao động
- Công việc phải làm: Đào móng băng rộng <= 3m, sâu >= 2m, đất cấp, Xây móng <= 33m, gạch chi 6,5x10,5x22...

Điều 2 : Chế độ làm việc.

- Thời giờ làm việc: 8h/ngày, theo tính chất công việc
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm có: theo tính chất công việc

Điều 3 : Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động.

1 . Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc : Người lao động tự do
 - Mức lương cơ bản :
 - Hình thức trả lương : Lương khoán theo sản phẩm(công việc) hoàn thành
 - Phụ cấp gồm : Không
 - Được trả vào các ngày : Cuối tháng
 - Tiền thưởng : Không
 - Chế độ nâng lương : Không
 - Được trang bị BHLĐ : Theo tính chất công việc
 - Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần,phép năm,lễ,tết): theo quy định hiện hành
 - BHXH, BHYT : không
 - Chế độ đào tạo : Không
 - Những thỏa thuận khác :
- + Thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể
- + Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động nếu có gì vướng mắc hai bên cùng bàn bạc giải quyết./.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành cam kết trong hợp đồng lao động
- Chấp hành nội quy lao động,kỷ luật lao động và an toàn lao động
- Bồi thường thiệt hại nếu xảy ra mất mát tài sản của Công ty

Điều 4 : Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Đảm bảo việc làm và thực hiện đầy đủ những cam kết trong HĐLĐ
- Thanh toán đầy đủ, từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011 đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo HĐLĐ, thỏa ước lao động tập thể.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động, hoàn thành công việc theo hợp đồng

- Tạm hoãn, chấm dứt HĐLĐ, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của doanh nghiệp

Điều 5 : Điều khoản thi hành.

- Những vấn đề về lao động không ghi trong HĐLĐ này thì áp dụng quy định của thỏa ước lao động tập thể.

- Trường hợp chưa có thỏa ước lao động tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- HĐLĐ được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày 01/02/2011. khi hai bên ký kết phụ lục HĐLĐ thì nội dung của phụ lục HĐLĐ cũng có giá trị như nội dung của bản HĐLĐ này.

Hợp đồng này làm tại Công ty CPXD TL Thái Bình ngày 28/01/2011

NGƯỜI LAO ĐỘNG

(ký tên, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(ký tên và đóng dấu)

Trong giai đoạn thi công các nhóm nhân công tiến hành sản xuất thi công theo hợp đồng làm khoán, tổ trưởng các tổ sản xuất theo dõi tình hình lao động của nhân công trong tổ mình thông qua Bảng chấm công.

Biểu số 2.10:

Công ty CP XD TL Thái CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bình

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95

Thái Bình, ngày 01 tháng 02 năm 2011

HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2011

Tại: Công trình nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Chúng tôi gồm:

A./ Bên giao khoán (Đại diện bên A)

Ông: Nguyễn Xuân Thăng - Chủ nhiệm công trình

B./ Bên nhận khoán (Đại diện bên B)

Ông: Bùi Minh Tuấn - Tổ trưởng tổ Nề

Cùng nhau tiến hành thực hiện công việc sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào móng băng rộng $\leq 3m$, sâu $\geq 2m$, đất cấp	m ³	120,823	85.500	12.328.840
2	Xây móng $\leq 33m$, gạch chỉ 6,5x10,5x22	m ³	40,028	110.000	7.546.700
...
	Cộng				50.128.000

C./ Trách nhiệm bên nhận khoán

1./ Tự lo phương tiện đi lại, dụng cụ sản xuất, bảo hộ lao động.

2./ Phổ biến quy trình quy phạm an toàn lao động đến từng người lao động do mình quản lý sản xuất ở từng vị trí sản xuất trong công việc cụ thể, buộc người lao động phải chấp hành.

3./ Làm sai thiết kế, không đảm bảo kỹ, mỹ thuật phải bồi thường hoàn toàn tổng chi phí phần việc đó.

D./ Trách nhiệm bên giao khoán

1./ Thanh toán tiền công hàng tháng ứng với 100% số tiền công hoàn thành của bên nhận khoán

2./ Sau khi thanh toán dứt điểm cho bên nhận khoán nếu không có vướng mắc gì coi như hợp đồng đã được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

Đại diện bên A

(Ký, họ tên)

Đại diện bên B

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11:

Cty Cổ phần XDTL Thái Bình

Xí nghiệp xây dựng số 1

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC ĐÃ HOÀN THÀNH

Căn cứ vào hợp đồng số 95 ngày 01/02/2011

(Về việc giao khoán nhận thi công công trình xây lắp nhà kho công ty
TNHH Nam Cường)

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2011 tại công trình Nhà kho công ty TNHH
Nam Cường.

Chúng tôi gồm có:

A./ Bên giao khoán (Đại diện bên A)

Ông: Nguyễn Xuân Thăng - Chủ nhiệm công trình

Ông: Nguyễn Văn Hoàng - Kỹ thuật công trình

Bà: Đỗ Thị Kim Oanh - Kế toán công trình

B./ Bên nhận khoán (Đại diện bên B)

Ông: Bùi Minh Tuân - Tổ trưởng tổ Nề

Cùng nhau nghiệm thu những công việc đã khoán ghi trong hợp đồng:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào móng băng rộng <= 3m, sâu >= 2m, đất cấp	m3	110,045	85.500	9.408.840
2	Xây móng <= 33m, gạch chỉ 6,5x10,5x22	m3	37,028	110.000	5.036.540

	Cộng				48.550.000

Tổ trưởng

(Ký, họ tên)

Kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Đội trưởng

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12:

Đơn vị: Xi nghiệp xây dựng số 1

Mẫu số: 01a-LĐTL

Bộ phận: Tổ Nề

BẢNG CHẤM CÔNG VÀ TRẢ LƯƠNG

Tháng 02 năm 2011

S T T	Họ và tên	Ngày trong tháng											Hệ số bậc lương	Tổng số công hưởng Lương SP	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận	
		Thứ	1	2	3	4	5	6	26	27					28
1	Bùi Minh Tuấn		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
2	Đoàn Hữu Chung		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
3	Trần Thiện Kế		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
4	Nguyễn Mạnh Hà		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
5	Vũ Hải Triều		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
6	Ng Đức Cường		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
7	Đỗ Văn Thiệu		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
8	Lê Khắc Huy		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
9	Hà Huy Bằng		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
10	Bùi Hữu Tuấn		K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K		28	4.855.000	
	Cộng															48.550.000	

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

NGƯỜI CHẤM CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Việc hạch toán kết quả lao động được thực hiện trên cơ sở hợp đồng làm khoán, bảng chấm công và trả lương. Đây là những chứng từ ban đầu được chuyển lên phòng kế toán công ty để làm cơ sở tính giá thành xây lắp.

Vì đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình nên việc hạch toán chi phí nhân công trực tiếp cũng được tập hợp theo công trình, hạng mục công trình.

Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành là căn cứ để tính toán lương cho công nhân xây dựng. Sau mỗi giai đoạn thi công kế toán căn cứ vào hợp đồng làm khoán và bảng thanh toán lương để ghi vào bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương rồi gửi lên phòng tài vụ. Kế toán phòng tài vụ sẽ kiểm tra, đối chiếu và tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp rồi ghi vào nhật ký chung và các sổ sách liên quan.

Biểu số 2.13:

Cty Cổ phần XDTL Thái Bình

Xí nghiệp xây dựng số 1

BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG ĐÃ HOÀN THÀNH

Quý I năm 2011

Công trình: Nhà kho công ty TNHH Nam Cường.

Đvt: VNĐ

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá tiền lương	Thành tiền	Ghi chú
1	Đào móng băng rộng <= 3m, sâu >= 2m, đất cấp	m ³	110,045	85.500	9.408.840	
2	Xây móng <= 33m, gạch chỉ 6,5x10,5x22	m ³	37,028	110.000	5.036.540	
3	Tường xây 220	M ³	122	125.000	15.250.000	
4	Tường xây 110	M ³	42	110.000	4.620.000	
5	Gia công thép	M ³	55	290.000	15.920.000	
6	
	Cộng				236.550.000	

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đội trưởng
(Ký, họ tên)

Kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Nhân viên giám sát
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14:

Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

Xí nghiệp xây dựng số 1

BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

Nợ TK	Ghi có TK	334	338				Cộng	Tổng cộng
			BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN		
			16%	3%	2%	1%		
TK 622		535.370.500					535.370.500	
- CT " Nhà kho công ty Nam Cường"		236.550.000					236.550.000	
- CT " Công điều tiết NEOI"		298.820.500					298.820.500	
TK 627		55.350.350	8.856.056	1.660.511	1.107.007	553.504	12.177.077	67.527.427
Cộng		590.720.850	8.856.056	1.660.511	1.107.007	553.504	12.177.077	602.897.927

Ngày 31/03/2011

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.15:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP
Quý I năm 2010**

Đvt: VNĐ

STT	Tên công trình	Tổng cộng CPNCTT	Lương CNTTSX
1	Nhà kho công ty TNHH Nam Cường	236.550.000	236.550.000
2
	Cộng	3.385.420.000	3.385.420.000

Ngày 31/03/2011

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình
Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt -
TPTB

Mẫu số: S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý I Năm 2011

Đvt: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....
PKT2.40	28/02	Tính lương CNTT SX - CT Nhà kho công ty Nam Cường tháng 2	622 334	48.550.000	48.550.000
PC2.98	28/02	Thanh toán lương tháng 2 cho CNTT SX-CT nhà kho công ty Nam Cường	334 111	48.550.000	48.550.000
				
PKT 3.85	31/03	Tính lương CNTT SX - CT Nhà kho công ty Nam Cường tháng 3	622 334	188.000.000	188.000.000
PC3.82	31/03	Thanh toán lương tháng 2 cho CNTT SX-CT nhà kho công ty Nam Cường	334 111	188.000.000	188.000.000
.....
		Cộng		165.546.789.754	165.546.789.754

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu TK : 622

QUÝ I NĂM 2011

Đvt: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	STT đồng		Nợ	Có
.....
28/02	PKT2.40	28/02	Tính lương CN TTSX – CT Nhà kho công ty TNHH Nam Cường tháng 2			334	48.550.000	
							
31/03	PKT2.85	31/03	Tính lương CN TTSX – CT Nhà kho công ty Nam Cường			334	188.000.000	
31/03	PKT3.102	31/03	Kết chuyển chi phí nhân công TT QUÝ 1 CT Nhà kho Công ty Nam Cường			154		236.550.000
			...					
			...					
			Cộng				236.550.000	236.550.000

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

❖ *Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

+ Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công, kế toán sử dụng TK 623- chi phí sử dụng máy thi công và các tài khoản liên quan như; TK 111, TK 112, TK 331... Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

+ Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành
- Hóa đơn giá trị gia tăng

+ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 623
- Sổ cái tài khoản 623
- Các sổ khác có liên quan

❖ *Nội dung hạch toán chi phí máy thi công tại công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình*

Các công trình thi công thường ở rất xa trụ sở công ty tự tiến hành thuê ngoài máy thi công thông qua hợp đồng kinh tế để thỏa thuận giá cả và khối lượng công việc thực hiện.

Phương thức thuê máy được áp dụng là thuê luôn cả máy, người lái và các loại vật tư cho chạy máy (thuê trọn gói). Theo phương thức này, trong hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc, và tổng số tiền bên thuê phải trả. Máy thuê ngoài phục vụ cho công trình nào, kế toán hạch toán chi phí thuê máy vào thẳng công trình đó. Cơ sở pháp lý cho công tác hạch toán là hợp đồng thuê máy, biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy, biên bản xác nhận khối lượng giao nhận và biên bản nghiệm thu.

Hàng tháng theo Bảng kê chi phí thuê máy thi công của các xí nghiệp gửi về phòng tài chính tổng hợp công ty, được chi tiết hóa theo từng đối tượng công trình. Kế toán tập hợp ghi vào nhật ký chung, sổ cái các tài khoản liên quan.

Ví dụ: Ngày 07/02/2011 thanh toán tiền thuê máy trộn bê tông và máy xúc của công ty Cổ phần Xây dựng Thành Long theo hóa đơn số 0000478, tổng số tiền là 19.861.600 đồng (bao gồm thuế VAT 10%).

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng máy thi công cho công trình, quản lý công trình tiến hành thuê máy thi công của công ty cổ phần xây dựng Thành Long. Khi hoàn thành công việc, hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành làm cơ sở để thanh toán.

Biểu số 2.19:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG**

Công trình: Nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Tiền Hải, Thái Bình

1. Đối tượng nghiệm thu.

- máy trộn bê tông, máy xúc.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu.

- **Bên A: Công ty CP Xây dựng thủy lợi Thái Bình**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 328, Đường Lý Thường Kiệt, TPTB

Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Thăng

Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp 1

- **Bên B: Công ty CP xây dựng Thành Long**

Địa chỉ: Thị trấn Tiền Hải, Thái Bình

Đại diện: Bà Trịnh Thị Tâm

Chức vụ: Giám đốc

Ông Lê Minh Chiến

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu.

.....

4. Đánh giá bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công XD đã thực hiện.

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

.....

b. Chất lượng xây dựng bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng:

.....

c. Giá trị thanh toán:

Đvt: VND

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng (tạm tính)	Đơn giá (Đồng/100m ³)	Thành tiền
1	Trộn bê tông	100m ³	5,97	2.050.000	12.238.500
2	Máy xúc	100m ³	3,58	1.625.000	5.817.500
3	VAT(10%)				1.805.600
	Cộng				19.861.600

5. Kết luận.

Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng nói trên.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Biểu số 2.20:

HOÁ ĐƠN GTGT		Mẫu số 01GTKT-3LL			
Liên 2: Giao khách hàng		CS/2011B			
Ngày 07 tháng 02 năm 2011		Số: 0000579			
Đơn vị bán hàng:		Công ty Cổ phần xây dựng Thành Long			
Địa chỉ:		Thị trấn Tiền Hải, Thái Bình			
Điện thoại:		MST: 0200234824			
Họ và tên người mua hàng:					
Đơn vị:		Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình			
Địa chỉ:		Số 328, Lý Thường Kiệt, Thành phố Thái Bình			
Hình thức thanh toán:		TM		MST: 1000270801	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	I	2	3
1.	Trộn bê tông	100m ³	5,970	2.050.000	12.238.500
2	Máy xúc	100m ³	3,580	1.625.000	5.817.500
Cộng tiền hàng:					18.056.000
Thuế suất GTGT 10%; Tiền thuế GTGT					1.805.600
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.861.600
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng./.					

Ngày 07/02/2011

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trên cơ sở các chứng từ liên quan đến chi phí thuê máy thi công kế toán tiến hành lập Bảng kê chi phí thuê máy thi công cuối tháng gửi lên phòng kế toán tài vụ của công ty, cuối quý kế toán lập bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu số 2.21:

CÔNG TY CPXD THUỶ LỢI THÁI BÌNH

Xí nghiệp xây dựng số 1

BẢNG KÊ CHI PHÍ THUÊ MÁY THI CÔNG
Công trình : Nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Tháng 2 năm 2011

Dvt: VNĐ

Chứng từ		Trích yếu	Số tiền		
Số	Ngày		Chưa VAT	Thuế VAT	Tổng cộng
...
PC2.10	07/02	Thuê trộn bê tông phục vụ thi công	12.238.500	1.223.850	13.462.350
PC2.10	07/02	Thuê máy xúc	5.817.500	581.750	6.399.250
UNC2.12	10/02	Thuê máy xúc, máy lu	25.318.182	2.531.818	27.850.000
...
UNC2.16	15/02	Thuê máy phục vụ thi công	32.142.700	3.214.270	35.356.970
...
		Cộng	114.458.700	11.445.870	125.904.570

Kế toán công trình
(ký, họ tên)

Ngày 28 tháng 02 năm 2011
GD Xí Nghiệp
(ký, họ tên)

Biểu số 2.22:

Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ
TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công
Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

ST T	Tên công trình, hạng mục công trình	Chi phí sử dụng máy thi công				Ghi chú
		Chi phí thuê máy thi công	Lương CN điều khiển MTC	Tổng số	
1	Nhà kho công ty TNHH Nam Cường	200.544.120			200.544.120	
2	
	Cộng	2.235.846.000			2.422.487.045	

Ngày 31/03/2011

Kế toán công trình
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 623 và sổ cái TK 623.

Biểu số 2.23:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình
Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý I Năm 2011

Đvt: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

07/02	PC2.10	07/02	Thuê máy phục vụ CT Nhà kho công ty TNHH Nam Cường	623 133 111	18.056.000 1.805.600	19.861.600
09/02	PC2.11	09/02	Thanh toán tiền thuê máy trộn bê tông	623 133 111	2.570.045 249.955	2.820.000

31/03	PKT3.102	31/03	Kết chuyển CPSDMTC CT nhà kho công ty TNHH Nam Cường	154 623	200.544.120	200.544.120
			Cộng		165.546.789.754	165.546.789.754

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình
Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S38 - DN
*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công. Số hiệu: 623

Công trình : Nhà kho Công ty TNHH Nam Cường

Quý I Năm 2011

Dvt: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
				
PC2.10	07/02	Thuê máy xúc, máy trộn bê tông phục vụ thi công	111	18.056.000	
UNC2.12	10/02	Thuê máy xúc , máy lu phục vụ thi công	112	25.318.182	
				
UNC2.16	15/02	Thuê máy phục vụ thi công	112	72.142.700	
				
PKT3.102	31/03	Kết chuyển chi phí máy thi công	154		200.544.120
		Cộng		200.544.120	200.544.120

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03b- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí máy thi công

Số hiệu TK 623

QUÝ I NĂM 2011

Đvt: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày		TS	STT dòng		Nợ	Có
.....
07/02	PC2.10	07/02	Thuê máy phục vụ thi công – CT Nhà kho cty Nam Cường			111	18.056.000	
							
10/02	UNC2.12	10/02	Thuê máy xúc , máy lu phục vụ thi công– CT Nhà kho cty Nam Cường			112	25.318.182	
							
15/02	UNC2.16	15/02	Thuê máy phục vụ thi công– CT Nhà kho cty Nam Cường			112	72.142.700	
							
31/03	PK3.102	31/03	Kết chuyển chi phí máy thi công quý I công trình Nhà kho công ty Nam Cường			154		200.544.120
			Cộng				200.544.120	200.544.120

Ngày 31.tháng 03.năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, lao động trực tiếp sản xuất,... thực tế đòi hỏi phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như: chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí tiếp khách, kiểm nghiệm, khấu hao TSCĐ... Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia vào việc cầu thành thực thể xây lắp nhưng lại có một vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn. Đó là chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung hoạt động xây lắp của Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Thái Bình bao gồm : tiền lương nhân viên quản lý thi công, các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định và các chi phí khác phục vụ hoạt động của Xí nghiệp xây lắp.

❖ *Hệ thống sổ sách, chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất chung*

+ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao....
- Các chứng từ có liên quan khác

+ Tài khoản sử dụng : Công ty sử dụng tài khoản 627 “ chi phí sản xuất chung” để tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

+ Sổ sách sử dụng :

- sổ Nhật ký chung,
- Sổ cái TK 627,
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh
- Các sổ có liên quan khác...

❖ *Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung*

Chi phí sản xuất chung hoạt động xây lắp của Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Thái Bình bao gồm : tiền lương nhân viên quản lý thi công, các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định và các chi phí khác phục vụ hoạt động của Xí nghiệp xây lắp.

Hàng tháng kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong tháng của xí nghiệp mình. Cuối tháng tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức phân bổ “Chi phí nhân công trực tiếp”.

$$\text{Chi phí SXC phân bổ cho công trình A} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC}}{\text{Tổng giá thành dự toán của các công trình}} \times \text{Giá thành dự toán của công trình A}$$

* *Chi phí nhân viên Xí nghiệp*

Chi phí nhân viên quản lý bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội , cán bộ thống kê đội...Đối với chi phí gián tiếp ở công ty thì phương pháp tính lương là theo dõi thời gian chấm công của nhân viên. Do đó việc thanh toán các khoản lương chính, phụ cấp,...do kế toán thực hiện căn cứ vào các bảng chấm công và căn cứ vào chế độ chính sách hiện hành của nhà nước về tiền lương và phân bổ quỹ tiền lương của công ty rồi gửi lên công ty.

Hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công phòng kế toán công ty tiến hành tính lương và các khoản trích theo lương cho nhân viên quản lý công trình.

Chi phí nhân viên xí nghiệp quý I năm 2011 được tính ở bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương quý I năm 2011.

* *Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ*

Chi phí vật liệu gồm giá thực tế vật liệu xuất dùng cho hoạt động của xí nghiệp. Chi phí công cụ dụng cụ gồm các chi phí về cuốc, xẻng, cây chống, bay, bàn xoa, quần áo bảo hộ lao động, găng tay... được phân bổ hết một lần vào chi phí trong kỳ không phân biệt giá trị công cụ dụng cụ lớn hay nhỏ. Hàng tháng căn cứ vào Phiếu xuất kho kế toán Xí nghiệp lập bảng kê chi phí NVL, Báo cáo CCDC xuất dùng cho từng công trình.

Biểu số 2.26:

Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Xí nghiệp xây dựng số 1

BÁO CÁO CÔNG CỤ DỤNG CỤ XUẤT DÙNG

Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Đ.giá	Thành tiền
Số hiệu	Ngày tháng					
...
11	07/02	Găng tay	Đôi	10	7.000	70.000
12	07/02	Xẻng	Cái	5	28.000	140.000
13	07/02	Ủng	Đôi	5	48.000	240.000
14	07/02	Q. áo BH	Cái	5	67.000	335.000
...
Cộng						72.210.200

Ngày 31/03/2011

Người lập số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

* *Đối với chi phí khấu hao tài sản cố định.*

Công ty áp dụng cách tính khấu hao đều. Mức khấu hao trích hàng tháng được tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao trích trong tháng} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

Biểu số 2.27:

Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Xí nghiệp xây dựng số 1

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

STT	Tên tài sản	Số năm SD	Nơi sử dụng		TK 627 - Chi phí sản xuất chung	TK
			Toàn DN			
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Ô tô tải (02/2008)	10	203.549.000	10.177.450	10.177.450	
2	Giáo xây dựng (05/2010)	5	16.820.000	841.000	841.000	
3	Máy tính xách tay (02/2010)	5	21.425.000	1.071.250	1.071.250	
4	Giáo xây dựng (01/2010)	5	15.905.000	795.250	795.250	
5					
	Tổng				49.781.575	

Ngày 31/03/2011

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

** Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác*

Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh tại các Xí nghiệp xây lắp bao gồm tiền điện, nước, điện thoại, ...

Cuối tháng đội trưởng đội xây lắp tập hợp các chứng từ hoá đơn thanh toán với người cung cấp dịch vụ cùng bảng kê thanh toán HĐGTGT về phòng kế toán công ty.

Sau khi kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ này kế toán tiến hành nhập tập hợp số liệu và định khoản như sau (số liệu quý I)

Nợ TK 627 : 150.824.300

Nợ TK 133 : 15.082.430

Có TK 111 : 165.906.730

Căn cứ vào các chứng từ đã có: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương, Báo cáo CCDC xuất dùng, Hóa đơn điện nước... Kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung, sau đó phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình theo tiêu thức “chi phí nhân công trực tiếp”.

Biểu số 2.28:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

STT	Loại chi phí	Số tiền
1	Chi phí nhân viên quản lý	67.527.427
	- Lương phải trả	55.350.350
	- Trích 22% BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	12.177.077
2	Chi phí khấu hao TSCĐ	49.781.575
3	Chi phí công cụ dụng cụ	72.210.200
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.736.500
5	Chi phí bằng tiền khác	68.087.800
	<i>Cộng</i>	340.343.502

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Ngày 31/03/2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Xí nghiệp xây dựng số 1

Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

STT	Tên công trình	Tiêu thức phân bổ (Chi phí NCTT)	Chi phí sản xuất chung
1	CT Nhà kho công ty TNHH Nam Cường	236.550.000	150.378.580
2	CT Công điều tiết NEOI	298.820.500	189.964.922
	Tổng	535.370.500	340.343.502

Ngày 31/03/2011

Người lập số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Cu thể: Tổng chi phí sản xuất chung trong quý I năm 2011 là 230.343.515 đồng.

Chi phí nhân công trực tiếp trong quý của từng công trình là:

CT Nhà kho công ty Nam Cường: 236.550.000 đồng

CT Công điều tiết NEOI: 298.820.500 đồng

$$\begin{aligned} \text{Chi phí SXC phân bổ cho} & \quad 340.343.502 \\ \text{CT Nhà kho công ty} & = \frac{\quad}{236.550.000 + 298.820.500} \times 236.550.000 \\ \text{TNHH Nam Cường} & \\ & = 150.378.580 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Chi phí SXC phân bổ cho} & \quad 340.343.502 \\ \text{CT Công điều tiết NEOI} & = \frac{\quad}{236.550.000 + 298.820.500} \times 298.820.500 \\ & = 189.964.922 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Biểu số 2.30:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XD TL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý I năm 2011

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK	Số phát sinh	
	Số	Ngày		TS	STT		Nợ	Có

07/02	PX 2.15	07/02	Xuất công cụ dụng cụ phục vụ thi công			627 153	19.840.000	19.840.000
28/02	BTLT2	28/02	Lương phải trả cho bộ phận quản lý xí nghiệp 1 tháng 2			627 334	18.450.117	18.450.117
28/02	BTLT2	28/02	Các khoản trích theo lương			627 338	4.059.026	4.059.026
05/03	PC3.1	05/03	Thanh toán tiền điện tháng 2 XN 1			627 133 111	1.532.600 153.260	1.685.860
31/03	PKT3.102	31/03	Kết chuyển chi phí sản xuất chung CT nhà kho công ty TNHH Nam Cường			154 627	150.378.580	150.378.580
			Cộng				165.546.789.754	165.546.789.754

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Công ty Cổ phần XD TL Thái Bình
 Xí nghiệp xây dựng số 1**

Mẫu số: S38 - DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Biểu số 2.31: TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý I năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Đvt: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Ghi nợ TK 627								
SH	NT			Tổng tiền	Chia ra							
					Tiền lương NVQL	Các khoản trích theo lương	Công cụ dụng cụ	Khấu hao TSCĐ	Chi phí khác	
		Số dư đầu kỳ										
			
PC2.7	05/02	Thanh toán tiền điện thoại tháng 01	111	560.000						560.000		
PX2.3	07/02	Xuất công cụ dụng cụ	153	4.240.050			4.240.050					
											
BTL02	28/02	Lương trả cho NVQL XN	334	18.450.117	18.450.117							
BKH02	28/02	Chi phí khấu hao TSCĐ	214	11.029.750				11.029.750				
.		
		Cộng phát sinh		230.343.515	55.350.350	12.177.077	72.210.200	49.781.575	150.824.300			
		Số dư cuối kỳ										

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập bảng
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Biểu số 2.32:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03b - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí sản xuất chung

Số hiệu TK 627

Quý I năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày		TS	STT dòng		Nợ	Có
.....
28/02	BTLT2	28/02	Lương phải trả cho bộ phận quản lý xí nghiệp 1 tháng 2			334	18.450.117	
28/02	BTLT2	28/02	Các khoản trích theo lương			338	4.059.026	
05/03	PC3.1	05/03	Thanh toán tiền điện tháng 2			111	1.532.600	
.....
31/03	PKT3.102	31/03	Kết chuyển chi phí SXCT nhà kho công ty TNHH Nam Cường			154		150.378.580
			Cộng				1.406.984.300	1.406.984.300

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

* *Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu kế toán
 - + Bảng tính giá thành
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 154
 - + Sổ cái TK 632
 - + Sổ chi tiết TK 154
 - + Các sổ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”
 - + TK 632 “Giá vốn hàng bán”

2.2.3.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp

Ở công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Cuối kỳ kế toán tổng hợp chi phí so sánh, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán để kiểm tra độ chính xác sau đó tiến hành tổng hợp chi phí thực tế phát sinh.

Tất cả các chi phí đã được tập hợp theo từng khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được kết chuyển sang tài khoản 154 để tính giá thành.

Số liệu từ các sổ chi tiết tài khoản được kế toán chuyển đến Bảng tổng hợp chi phí sản xuất của từng công trình theo quý.

Cụ thể, chi phí sản xuất được tập hợp trong quý 1 năm 2011 của công trình Nhà kho công ty Nam Cường như sau:

Biểu số 2.33:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

Quý I năm 2011

Công trình: Nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Khởi công ngày 01/02/2011

Đvt: VNĐ

NT \ KMCP	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí SDMTC	Chi phí SXC	Cộng
Tháng 02/2011	892.387.000	48.550.000	125.904.570	92.149.704	1.158.991.274
Tháng 03/2011	1.500.183.500	188.000.000	74.639.550	58.228.876	.821.051.926
Cộng	1.392.570.500	236.550.000	200.544.120	150.378.580	1.980.043.200

Ngày 31/03/2011

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Số liệu này được sử dụng làm căn cứ ghi vào bảng tổng hợp giá thành sản phẩm công trình nhà kho công ty TNHH Nam Cường

2.2.3.2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

Cuối quý, cán bộ kỹ thuật, chỉ huy công trình và bên chủ đầu tư ra công trường để nghiệm thu phần hoàn của công trình và xác định phần dở dang cuối quý. Cán bộ kỹ thuật sau đó lập Bảng kiểm kê khối lượng xây lắp hoàn thành trong quý và dở dang cuối quý theo dự toán từng khoản mục gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào Bảng kiểm kê cùng với số liệu về tổng chi phí thực tế dở dang đầu quý, chi phí thực tế phát sinh trong quý, kế toán tính ra chi phí dở dang thực tế cuối quý theo nguyên tắc là giá trị khối lượng xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã qui định và được tính giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn dở dang theo giá trị dự toán của chúng.

Để tính được giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành công ty phải xác định chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

Đối với công trình Nhà kho công ty Nam Cường đã hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao trong quý nên cuối quý không còn sản phẩm dở dang.

2.2.3.3 Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

Cũng như các doanh nghiệp xây lắp khác, đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình là từng công trình, hạng mục công trình. Do đó, trên cơ sở các chi phí đã tập hợp được cho từng công trình, hạng mục công trình; kế toán tổng hợp tiến hành tính giá thành cho đối tượng đó.

Do đặc điểm của sản phẩm xây lắp là thời gian thi công kéo dài nên ở công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình kỳ tính giá thành được xác định là cuối mỗi quý. Dựa vào các chứng từ về chi phí tập hợp được trong quý, vào cuối mỗi quý kế toán tổng hợp tiến hành tính giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình.

Phương pháp tính giá thành áp dụng tại công ty CP xây dựng thủy lợi Thái Bình là phương pháp tính giá thành trực tiếp.

Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp được và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ kế toán tiến hành tính giá thành thực tế và lập Bảng tính giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế KLXL} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế KLXL DD} \\ \text{ĐK} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế KLXL DD} \\ \text{CK} \end{array}$$

Đối với công trình nhà kho công ty TNHH Nam Cường khởi công ngày 01/02/2011 và hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao ngày 31/03/2011 thì giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao vào Quý I năm 2011 là:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế của} \\ \text{KLXL hoàn thành bàn giao} \end{array} = 0 + 1.980.043.200 - 0 \\ = 1.980.043.200$$

Biểu số 2.34:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Quý I năm 2011

Công trình: Nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Đvt: VNĐ

Khoản mục chi phí	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	Tổng Giá thành sản phẩm
Chi phí NVL trực tiếp	0	1.392.570.500	0	1.392.570.500
Chi phí NC trực tiếp	0	236.550.000	0	236.550.000
Chi phí SD máy thi công	0	200.544.120	0	200.544.120
Chi phí sản xuất chung	0	150.378.580	0	150.378.580
Cộng	0	1.980.043.200	0	1.980.043.200

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Để phản ánh giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành, bàn giao kế toán sử dụng TK 632 “giá vốn hàng bán”. TK này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Nợ TK 632: 1.980.043.200

Có TK 154: 1.980.043.200

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 154 và sổ cái TK 154.

Biểu số 2.35:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

Mẫu số: S03a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Quý I năm 2011

Đvt: VNĐ

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có

31/03	PKT3.102	31/03	Kết chuyển chi phí công trình nhà kho công ty TNHH Nam Cường	154 621 622 623 627	1.980.043.200	1.392.570.500 236.550.000 200.544.120 150.378.580
31/03	PKT3.103	31/03	Nghiệm thu và bàn giao công trình Nhà kho công ty TNHH Nam Cường	632 154	1.980.043.200	1.980.043.200

			Cộng		165.546.789.754	165.546.789.754

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.36:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình

Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt - TPTB

TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên TK : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Số hiệu: 154

Quý I năm 2011

Công trình: nhà kho công ty TNHH Nam Cường

Đvt: VND

C. từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SDDK			
PKT3.102	31/03	Kết chuyển chi phí	621	1.392.570.500	
			622	236.550.000	
			623	200.544.120	
			627	150.378.580	
PKT3.103	31/03	Nghiệm thu và bàn giao công trình	632		1.980.043.200
		Cộng phát sinh		1.980.043.200	1.980.043.200
		SDCK			

Ngày 31/03/2011

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.37:

Đơn vị: Công ty Cổ phần XDTL Thái Bình
Địa chỉ: Số 328, đường 39B, Lý Thường Kiệt -
TPTB

Mẫu số: S03b - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu TK 154

Quý I năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày		TS	STT dòng		Nợ	Có
.....
31/03	PKT3.102	31/03	Kết chuyển chi phí công trình nhà kho công ty TNHH Nam Cường			154 621 622 623 627	1.980.043.200	1.392.570.500 236.550.000 200.544.120 150.378.580
31/03	PKT3.103	31/03	Nghiệm thu và bàn giao công trình Nhà kho công ty TNHH Nam Cường			632 154	1.980.043.200	1.980.043.200
.....
			Cộng				1.406.984.300	1.406.984.300

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH.

Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình luôn luôn hoàn thành kế hoạch được giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, làm tròn nghĩa vụ với công nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó công ty còn mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Để đạt được những thành tựu đó phải kể đến sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường hiện nay giữa sản phẩm của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường và đảm bảo mức lợi nhuận như mong muốn đòi hỏi các doanh nghiệp phải nỗ lực không ngừng để cải tiến dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và nhất là hạ giá thành sản phẩm. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có ý nghĩa rất quan trọng trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và tìm ra phương hướng, giải pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Trong quá trình thực tập, tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại Công ty CP xây dựng thủy lợi Thái Bình em nhận thấy việc tổ chức công tác kế toán ở đây có một số ưu nhược điểm sau:

3.1.1. Những ưu điểm

❖ Về bộ máy quản lý của công ty:

Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình là một đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán độc lập. Trong sản xuất kinh doanh Công ty đã chủ động nghiên cứu từng bước tìm ra được mô hình quản lý tương đối khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm và cơ cấu tổ chức của Công ty trong nền kinh tế thị trường.

Công ty luôn quan tâm tới việc đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công nhân có tay nghề cao cùng với hệ thống máy móc chuyên dùng hiện đại và kinh nghiệm tích lũy trong quá trình phát triển, do vậy chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, tạo chữ tín đối với khách hàng, có chỗ đứng trên thị trường, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng của Công ty thực sự là cơ quan tham mưu giúp việc cho Giám đốc một cách có hiệu quả, giúp cho lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý kế toán khoa học, hợp lý và có hiệu quả phù hợp với tính chất đặc điểm của ngành xây lắp. Để có được những thành tựu như hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên trong công ty tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi, học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty vững mạnh hơn.

Hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế công nghiệp, nhu cầu về lĩnh vực xây dựng cơ bản là một nhu cầu quan trọng và luôn đi đôi với sự phát triển của Đất nước. Công ty đã nhận thức đúng đắn đường lối chủ trương phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, vận dụng sáng tạo các quy luật của thị trường. Vì vậy đã vượt qua được những khó khăn thử thách và không ngừng phấn đấu đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty được nâng cao.

❖ Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của Công ty tổ chức tương đối chặt chẽ phù hợp với nhiệm vụ và đặc điểm của Công ty. Hiện nay, phòng kế toán hiện có 4 người, mỗi người chịu trách nhiệm các phần hành kế toán do kế toán trưởng giao việc. Kế toán trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên kế toán khác, đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm chung trước những sai sót xảy ra trong hạch toán kế toán. Như vậy, công tác kế toán của Công ty sẽ giảm thiểu được tối đa những sai sót do nhầm lẫn hoặc gian lận gây nên, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các bộ phận.

Trong công ty có sự phân chia công việc và phối hợp công việc giữa các nhân viên kế toán phòng tài chính kế toán và nhân viên kế toán các đội đã góp

phần giảm khối lượng công việc, đặc biệt có hiệu quả trong việc kế toán chi phí tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc lại được bố trí hợp lý, phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi người nên đã góp phần tích cực vào công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính của Công ty nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng.

❖ Về hình thức sổ sách kế toán, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ dễ theo dõi. Dựa trên đặc điểm riêng của công ty, quy mô và địa bàn hoạt động rộng cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp. Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu, nguyên tắc của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty đã tổ chức vận dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị xây lắp. Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cùng các biểu mẫu chứng từ, sổ sách kế toán, công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách ghi chép khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán, tổ chức công tác kế toán quản trị, kế toán tài chính rõ ràng... giảm bớt khối lượng công việc ghi sổ kế toán, đáp ứng được đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của công ty và các đối tượng khác có liên quan.

Hiện nay ngoài sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính, Công ty còn sử dụng một số chứng từ khác do công ty quy định cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chứng từ được kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ Về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

**** Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:***

Các vật liệu quan trọng có giá trị lớn thì công ty tổ chức tìm nguồn hàng, kết hợp đồng mua rồi vận chuyển đến tận chân công trình, còn lại Xí nghiệp chủ

động mua tùy theo yêu cầu thực tế của công trình. Như vậy công ty đã tiết kiệm được chi phí kho bãi, chi phí bảo quản vật liệu, chi phí vận chuyển từ kho bãi đến công trường. Điều này phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, bởi vì công trình thi công thường ở xa so với hệ thống kho bãi, nhu cầu nguyên vật liệu cho từng công trình khác nhau thì lại rất khác nhau. Đồng thời, với sự phát triển nhanh về vật liệu mới trong xây dựng, việc dự trữ vật liệu sẽ là không hiệu quả, có khi lại gây ra sự không đồng bộ dẫn đến ứ đọng vốn, tăng chi phí bảo quản.

** Đối với chi phí nhân công trực tiếp:*

Công ty sử dụng hình thức khoán gọn các công việc thủ công cho lao động tại địa phương nơi thi công công trình mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao trách nhiệm, ý thức tự giác cho người lao động. Đây là một hình thức quản lý hợp lý, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, vốn và hạ giá thành sản phẩm. Phương pháp khoán trong xây dựng cơ bản tạo điều kiện gắn lợi ích của người lao động với chất lượng và tiến độ thi công, xác định rõ trách nhiệm vật chất với từng cá nhân trên cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo và khả năng hiện có của công ty.

Việc hạch toán cũng thuận lợi hơn vì công ty không phải quản lý, trả lương cho các đối tượng này đồng thời tiết kiệm được chi phí đi lại, phụ cấp cho công nhân khi phải đi xa.

** Đối với chi phí máy thi công:* Công ty thuê ngoài bằng hình thức hợp đồng thuê máy. Toàn bộ kinh phí hợp đồng được chuyển về phòng tài vụ để theo dõi và hạch toán. Đồng thời giải quyết cấp kinh phí kịp thời để các Xí nghiệp triển khai thi công.

** Đối với chi phí sản xuất chung:*

Chi phí phát sinh tại công trình nào thì tính trực tiếp cho công trình đó. Những ưu điểm trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đã có ảnh hưởng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm xây lắp. Điều này đã góp phần làm tăng lợi nhuận cho xí nghiệp.

Sự phối hợp trên đây giữa các phòng ban công ty với Xí nghiệp xây lắp luôn đảm bảo cho việc tính đầy đủ chính xác giá thành công trình, giải quyết tốt mối

quan hệ giữa công ty với người lao động, với chủ đầu tư, Nhà nước và các bên liên quan...

Những điểm làm được trên là do kết quả công sức lao động của toàn thể cán bộ nhân viên công ty. Và một phần không nhỏ trong đó là sự cố gắng của phòng kế toán thực hiện vai trò hạch toán quản lý tài chính của mình.

3.1.2. Những hạn chế

❖ Về công tác quản lý

Việc tổ chức quản lý chưa được chặt chẽ, toàn diện, vì thế giá thành sản phẩm chưa phản ánh đúng bản chất của nó. Việc khoán sản phẩm đi đôi khoán nguyên vật liệu, giờ công là khá hiệu quả. Tuy nhiên vẫn còn kẽ hở về chi phí nguyên vật liệu do Xí nghiệp tự mua theo nhu cầu sản xuất. Phần nguyên vật liệu này có thể làm cho giá thành sản phẩm là có phần cao hơn hoặc chất lượng chưa được đảm bảo... nếu như các Xí nghiệp không có được nguồn cung cấp với giá hợp lý hoặc mua nguyên vật liệu không đảm bảo chất lượng.

❖ Về công tác kế toán của công ty

Công ty có địa bàn hoạt động rộng, các công trình thi công được tiến hành ở khắp các địa phương, các tỉnh thành nên việc luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng kế toán công ty vẫn còn chậm trễ dẫn đến khối lượng công việc dồn đến cuối kỳ. Nhiều khi việc phản ánh chi phí phát sinh của công trình thi công là không kịp thời do các đội thi công chuyển chứng từ hoàn chi phí lên không đầy đủ thường dẫn đến sai sót, kém chính xác, không đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nói chung và quản lý chi phí giá thành nói riêng. Tại công ty đã có những sai sót không đáng có như ghi thiếu, ghi nhầm làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo ra quyết định và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Về tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công ty giao khoán toàn bộ chi phí sản xuất cho các đội, điều đó có thể tạo cho các đội có thể kê khai chi phí không chính xác. Một thực trạng thường thấy ở các đội là họ kê khai chi phí lớn hơn hoặc bằng với mức giao khoán để đội lỗ nên không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Có thể xảy ra tình trạng xí nghiệp ghi tăng chi phí nhân công trực tiếp vì chứng từ để hạch toán chi phí này là hợp đồng thuê khoán nhân công và biên bản thanh lý hợp đồng lao động.

Do sản phẩm xây lắp là cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất như lao động, máy móc... phải di chuyển theo địa điểm đặt công trình, từ đó mà công tác quản lý, sử dụng, hạch toán vật tư, tài sản cũng trở nên phức tạp. Quá trình luân chuyển chứng từ, từ khi phát sinh đến khi kế toán thu thập được và lên sổ là khoảng thời gian không phải là ngắn. Sở dĩ do có sự cách biệt về địa lý giữa nơi phát sinh chi phí (công trường thi công) và nơi tổng hợp chi phí để lên sổ (phòng kế toán).

Đối tượng tính giá thành là những công trình, hạng mục công trình, có lúc để kịp thời gian báo cáo, việc xác định được chi phí phát sinh diễn ra gấp gáp nên kết quả chưa được chính xác.

Chúng từ ban đầu phụ thuộc vào các Xí nghiệp nộp rất chậm, khi đó kế toán tổng hợp vào các công trình không qua khâu nhập xuất vật tư, nên không thể hiện được tính chất công việc.

Các khoản thiệt hại trong sản xuất không được theo dõi và phản ánh đầy đủ.

Việc tổ chức quản lý chi phí còn chưa chặt chẽ toàn diện nên vì thế mà giá thành sản phẩm chưa phản ánh đúng bản chất của nó. Trong sản phẩm công ty, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nên việc tiết kiệm nguyên vật liệu là một trong những hướng chính để hạ giá thành sản phẩm. Tuy nhiên bên cạnh đó lại có kẽ hở về chi phí nguyên vật liệu do Xí nghiệp tự đảm nhiệm theo nhu cầu sản xuất. Phần nguyên liệu này làm cho giá thành sản phẩm hoặc có phần cao hơn so với việc lĩnh tại kho hoặc chất lượng chưa đảm bảo.

Do đặc điểm vật liệu không được nhập vào kho tại công trường mà thường được đưa thẳng tới chân công trình vì vậy không tránh khỏi những mất mát, hao hụt, kho tàng còn hạn chế chưa đủ dự trữ khi có sự biến động của thị trường.

Sản phẩm làm dở dang của các công trình ở Công ty bao gồm: Số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ chưa sử dụng hết, vật liệu còn tồn tại chân công trình. Trong trường hợp một loại vật liệu xuất dùng cho nhiều nội dung công việc, khi xuất kho có thể theo dõi từng yếu tố sản xuất và dùng cho sản xuất từng công việc cụ thể. Nhưng đến cuối kỳ không xác định được số lượng nguyên vật liệu đó còn thừa lại là bao nhiêu, cách làm hiện nay của Công ty là tính luôn vào sản phẩm công trình làm cho chi phí của công trình tăng lên, do vậy thiếu chính xác.

❖ ***Đối với việc tính giá thành sản phẩm:***

Một vấn đề quan trọng cần được quan tâm trong việc tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty là giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp tại công ty chính bằng tổng chi phí thực tế phát sinh từ khi khởi công công trình đến khi hoàn thành bàn giao. Vì vậy khả năng xảy ra tình trạng chi vượt dự toán gây lỗ cho công trình là khá cao.

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI THÁI BÌNH

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Hạch toán kế toán là một biện pháp cấu thành nên hệ thống quản lý của Doanh nghiệp, đồng thời nó cũng là công cụ đắc lực của Nhà nước trong công việc quản lý và chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Để đảm bảo chức năng quản lý, giám sát một cách toàn diện và có hệ thống mọi hoạt động kinh tế tài chính của Doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, hệ thống tài chính kế toán phải thực hiện đúng quy định thống nhất, phù hợp, khoa học khách quan và thích hợp với yêu cầu quản lý của đơn vị.

Mặt khác, mục tiêu theo đuổi của hầu hết các doanh nghiệp là lợi nhuận. Mỗi doanh nghiệp luôn luôn tạo mọi biện pháp, nỗ lực phấn đấu để nâng cao khả năng cạnh tranh và thu được lợi nhuận cao nhất. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong đó chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là một nhân tố có ảnh hưởng rất lớn. Tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với nhiều doanh nghiệp. Góp phần giải quyết những vấn đề đó của doanh nghiệp công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm cần phải được quan tâm và không ngừng đổi mới hoàn thiện.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Nắm vững chức năng và nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung cũng như tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất nói riêng trong hệ thống quản lý tài chính của công ty.
- Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng phải tuân thủ theo chế độ, chính sách tài chính kế toán của nhà nước
- Phải xuất phát từ đặc thù về tổ chức quản lý chi phí và yêu cầu cung cấp thông tin chi phí tại công ty.
- Kết hợp hài hòa, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với tiềm năng tri thức con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung cũng như kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.
- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cũng phải dựa trên kết quả đánh giá những tồn tại hiện nay trong công tác quản lý cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

3.2.3. Căn cứ hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Doanh nghiệp phải luôn quan tâm tới công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học nhất dựa trên các căn cứ sau:

- Chế độ kế toán tài chính hiện hành và thực tế đơn vị đã thực hiện.
- Tính chất đặc thù của ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp
- Quy mô, hình thức sản xuất và trình độ quản lý của doanh nghiệp
- Yêu cầu và tính đặc thù trong quản lý của doanh nghiệp
- Thực trạng của bộ máy kế toán và tình hình chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ nhân viên kế toán của doanh nghiệp

Doanh nghiệp cần chủ động thực hiện theo căn cứ trên để không những nâng cao được vị thế của mình trên thị trường mà còn đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung của ngành sản xuất, và của đất nước.

3.2.4. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Một doanh nghiệp muốn đứng vững và tồn tại trong sự cạnh tranh khắc nghiệt của cơ chế thị trường thì phải biết khai thác, phát huy khả năng, thế mạnh của mình, phải biết xác định các khoản chi phí bỏ ra, không ngừng nghiên cứu, tìm tòi, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Để đáp ứng được nhu cầu đó các doanh nghiệp phải chú trọng tới công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sao cho công tác đó được tiến hành một cách đúng đắn, khoa học nhất, thực hiện theo từng bước, không ảnh hưởng tới quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục được các thiếu sót đảm bảo đúng với chính sách nhà nước.

Hoàn thiện từng nghiệp vụ, từng khâu, từng bước, dần dần hoàn thiện các vấn đề liên quan tới tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

3.2.5. Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình

Tham gia vào nền kinh tế thị trường cùng một lúc có mặt nhiều thành phần kinh tế, các doanh nghiệp cùng loại với cuộc đấu thầu diễn ra ngày càng gay gắt giữa các bên tham gia đấu thầu. Do đó mà Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi Thái Bình không còn sự lựa chọn nào hơn là quản lý tốt chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm xây dựng của mình xuống mức thấp nhất có thể được. Thúc đẩy sự sáng tạo, tìm tòi những phương án giải quyết có hiệu quả nhất nhằm phấn đấu hạ giá thành sản phẩm là yếu tố giúp Công ty thắng thầu nhiều hơn. Chính những điều này mà kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng được Công ty coi là một bí quyết trong kinh doanh. Những thông tin về chi phí sản xuất không những cần thiết cho nhà quản lý, kiểm soát chi phí, xác định chi phí bù đắp, thúc đẩy hạch toán kinh tế nội bộ đề ra quyết định kịp thời, chuẩn xác, phù hợp mà còn giúp cho các đối tác bên ngoài như chủ đầu tư, các nhà cung cấp, cơ quan thuế có cơ sở xác nhận và đánh giá một cách đầy đủ hoàn thiện hơn về Công ty, căn cứ lựa chọn phương án đầu tư, liên doanh hợp tác...

Muốn hạ được giá thành cần phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, khai thác và tận dụng khả năng sẵn có của mình. Qua việc phân tích tình hình sản xuất

kinh doanh của Công ty, em thấy muốn hạ được giá thành sản phẩm cần phải giảm chi phí về các yếu tố và tăng cường công tác quản lý kinh tế, bố trí hợp lý nguồn nhân lực.

Đối chiếu với lý luận và kiến thức đã được nhà trường trang bị với thực tế hạch toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty như sau:

1. Về công tác kế toán nói chung: Trong điều kiện thực tế hiện nay, để đẩy nhanh công tác hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ, chứng từ, như về công nợ, quyết toán khối lượng hoàn thành...thì bộ phận kế toán cần phải kết hợp chặt chẽ hơn nữa với các đơn vị thi công và các phòng ban chức năng của Công ty. Điều này giúp cho công tác kế toán được thực hiện kịp thời theo đúng thời gian nhằm tránh công việc dồn nén dễ tạo ra kết quả thiếu chính xác.

2. Về chứng từ kế toán

Chứng từ các công trình chuyển về phòng kế toán còn chậm chễ do công ty hiện nay thi công nhiều công trình phân tán ở nhiều nơi xa khác nhau. Do đó việc luân chuyển chứng từ cần phải có một quy định nghiêm túc hơn. Công ty cần đưa ra một thời hạn nộp chứng từ để có thể quản lý, nắm rõ tình hình hoạt động của các tổ đội, Xí nghiệp.

3. Về Vấn đề ứng dụng phần mềm kế toán ở công ty

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung nên chứng từ kế toán đều được tập trung tại phòng kế toán của công ty . Do đó công việc của phòng kế toán rất nhiều đặc biệt là vào cuối kỳ kế toán. Công ty vẫn chưa trang bị phần mềm kế toán mà chủ yếu thực hiện trên Word, Excel nên công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu

chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam.
 - Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.
 - Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty cổ phần FAST VN
-

Khi sử dụng các phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

4. Việc sử dụng vật tư: Vật tư chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành nên việc quản lý chặt chẽ chi phí vật tư là rất cần thiết. Tại mỗi công trình, công ty có bố trí thủ kho, nhân viên kế toán. Vì vậy, Công ty nên tận dụng lực lượng lao động này để tổ chức hạch toán chặt chẽ hơn nữa quá trình nhập vật tư về công trình và quá trình xuất vật tư cho thi công để làm sao tránh được sử dụng lãng phí, vừa đảm bảo được chất lượng công trình.

Cuối kỳ hạch toán, nên kiểm kê số vật tư còn lại tại chân công trình để kiểm tra được định mức sử dụng vật tư, đồng thời ghi giảm chi phí, đảm bảo tính phù hợp chính xác của giá trị sản phẩm dở dang cũng như giá thành công trình trong kỳ hạch toán (chi phí và giá thành của toàn bộ công trình hoàn thành không thay đổi nhiều)

5. Về phương pháp tính giá thành

Hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm xây lắp. Song thực tế, ngoài công việc xây dựng mới các công trình, hạng mục công trình, Công ty còn thực hiện nhiều hợp đồng cải tạo, nâng cấp các công trình. Các hợp đồng này có đặc điểm là thời gian thi công ngắn, giá trị xây lắp nhỏ nên bên chủ đầu tư thường thành toán một lần sau khi hoàn thành. Đối với dạng hợp đồng này, công ty áp dụng tính giá thành theo phương pháp trực tiếp là không hợp lý.

Công ty nên áp dụng thêm phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng. Phương pháp này sẽ cho phép quản lý chi phí một cách chặt chẽ và chi tiết hơn, giúp việc tính giá thành đơn giản và nhanh chóng.

Cụ thể, việc tính giá thành theo đơn đặt hàng được tiến hành như sau:

- Khi công trình bắt đầu được khởi công thì mỗi đơn đặt hàng được mở một bảng tính giá thành. Hàng tháng, căn cứ vào các bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung kế toán lập bảng tổng hợp chi phí cho tất cả các đơn đặt hàng.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Tháng... năm

STT	Đơn đặt hàng	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí MTC	Chi phí SXC	Tổng cộng

- Số liệu từ bảng tổng hợp này sẽ được chuyển vào bảng tổng hợp chi phí và tính giá thành tương ứng. Khi đơn đặt hàng hoàn thành, được bên chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán thì toàn bộ chi phí sản xuất đã tập hợp là giá thành của sản phẩm.

- Căn cứ vào bảng tính giá thành và giá trị dự toán của đơn đặt hàng đó, kế toán phân tích thành đơn đặt hàng theo các khoản mục chi phí.

6. Về hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất.

Do đặc điểm của ngành xây lắp, hoạt động sản xuất phụ thuộc lớn vào nhiều yếu tố ngoại cảnh như thời tiết, các điều kiện về giao thông, cấp thoát nước...Do vậy, các thiệt hại phát sinh trong quá trình sản xuất là điều không thể tránh khỏi. Các thiệt hại phát sinh có thể do những nguyên nhân khách quan như thời tiết, trời mưa sẽ phải tát nước, vét bùn khi thi công móng các công trình hoặc cung ứng vật tư không kịp thời khiến công việc phải đình trệ...Cũng có thể do chủ quan như làm sai so với thiết kế, làm ẩu phải phá đi làm lại...Khi đó chi phí vật tư, nhân công và sử dụng máy thi công cũng tăng lên so với dự toán. Tuy nhiên tại công ty các khoản thiệt hại này không được theo dõi và phản ánh đầy đủ. Cụ thể, chi phí vật liệu, nhân công, sử dụng máy thi công cho các khoản thiệt hại vẫn được tính vào giá thành công trình. Theo quy định thì những khoản thiệt hại này do xảy ra bất thường, không được chấp nhận nên chi phí của chúng không được tính vào chi phí

sản xuất sản phẩm mà thường xem là khoản phí tồn thời kỳ và tùy thuộc vào nguyên nhân gây ra để xử lý.

Trường hợp thiệt hại do nguyên nhân khách quan thì những chi phí phải bỏ ra để khắc phục thiệt hại được hạch toán vào

Nợ TK 811 – Chi phí khác.

Có TK 138.1

Nếu thiệt hại do nguyên nhân chủ quan gây ra thì yêu cầu cá nhân nào làm sai phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên tham gia sản xuất.

Nợ TK 111, 112, 152, 138.8

Có TK 138.1

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những công tác quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt để thị trường chấp nhận sản phẩm của mình, có điều kiện cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp phải đảm bảo được chất lượng công trình, giá thành hạ. Vì vậy tổ chức kế toán phù hợp và chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí giá thành, tổ chức kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và từng bộ phận nói riêng, góp phần quản lý vật tư, lao động tiền vốn có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập tại công ty, được hoà nhập với thực tế, được hiểu sâu sắc về bản chất của một số nghiệp vụ kế toán, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ở mỗi doanh nghiệp thực sự quan trọng và là một nhân tố góp phần quyết định cho sự tồn tại và vị trí của doanh nghiệp trong điều kiện thị trường hiện nay.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do trình độ và nguồn tài liệu tham khảo còn hạn hẹp nên bài viết này của em mới chỉ đề cập đến những vấn đề có tính chất cơ bản và mới chỉ đưa ra được những ý kiến bước đầu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự quan tâm và tham gia đóng góp ý kiến của các thầy trong nhà trường và các cán bộ nhân viên phòng kế toán của công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình để bài viết này hoàn thiện hơn.

Để hoàn thành bài khóa luận này, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo, các cô chú trong phòng Kế toán - tài vụ của Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình và cô giáo hướng dẫn *Th.s Ngô Thị Thanh Huyền* đã giúp đỡ, chỉ bảo và tạo điều kiện cho em trong suốt quá trình em làm bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Một số Website về kế toán tài chính
3. Các khoá luận năm trước
4. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Bình
5. Một số thông tư, chuẩn mực của Bộ tài chính.